

Số: 1025/QĐ-ĐHDL

Hà Nội, ngày 08 tháng 11 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH
Về việc cấp học bổng Khuyến khích học tập học kỳ I năm học 2020-2021

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐIỆN LỰC

Căn cứ Quyết định số 4010/QĐ-BCT ngày 06/10/2016 của Bộ trưởng Bộ Công thương về việc quy định chức năng, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trường Đại học Điện lực;

Căn cứ Quyết định số 20/QĐ-HĐT ngày 01/10/2019 của Chủ tịch Hội đồng trường Trường Đại học Điện lực về việc Ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Điện lực;

Căn cứ Nghị định số 84/2020/NĐ-CP ngày 17/07/2020 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều của Luật Giáo dục;

Căn cứ Quyết định số 1006/QĐ-ĐHDL ngày 03/11/2021 về việc giao kế hoạch cấp học bổng cho sinh viên hệ chính quy năm học 2020-2021;

Căn cứ Biên bản họp xét học bổng KKHT cho sinh viên học kỳ I năm học 2020-2021 số 1381/BB-ĐHDL ngày 08/11/2021;

Xét theo đề nghị của ông Trưởng phòng Công tác sinh viên.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp học bổng khuyến khích học tập học kỳ I năm học 2020 -2021 cho 882 sinh viên (Có danh sách kèm theo) với tổng số tiền là 6.874.740.000 đồng (Bằng chữ: Sáu tỷ, tám trăm bảy mươi tư triệu, bảy trăm bốn mươi nghìn đồng chẵn).

Điều 2. Phòng KHTC phối hợp phòng CTSV để chi trả tiền học bổng KKHT cho sinh viên.

Điều 3. Các ông (bà) Trưởng phòng: CTSV, ĐT, KHTC và những sinh viên có tên trong danh sách ở điều 1 chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Đăng Website.
- Lưu VT, CTSV;

Q. HIỆU TRƯỞNG



Đinh Văn Châu

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐẠI HỌC ĐƯỢC NHẬN HỌC BỔNG HỌC KỲ I NĂM HỌC 2020-2021

Kèm theo quyết định số 1025/QĐ-ĐHDL - HSSV ngày 08 tháng 11 năm 2021

TT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Tên lớp học	Điểm TB tín chỉ xét HB	Điểm rèn luyện xét HB	TBC khóa học	Xếp loại nhận học bổng	Số đơn vị học trình đăng ký	Số đơn vị học trình điều kiện	Mức tiền được hưởng sinh viên (ĐVT: VNĐ)	Ký nhận
1	1681410238	Trần Phương	Nam	10/11/1998	D11CNTD2	4	90		Xuất sắc	19	19	9,570,000	
2	1681410154	Lương Hoa	Vinh	13/09/1998	D11CNTD1	4	85		Giỏi	19	19	8,775,000	
3	1681410203	Nguyễn Mai	Anh	25/08/1998	D11CNTD2	4	85		Giỏi	19	19	8,775,000	
4	1681410126	Nguyễn Việt	Hưng	17/08/1998	D11CNTD1	4	85		Giỏi	19	19	8,775,000	
5	1681410116	Trần Anh	Duy	27/03/1998	D11CNTD1	4	85		Giỏi	19	19	8,775,000	
6	1681410022	Tạ Phương	Nam	19/11/1998	CLC.D11CNTD	3.98	88		Giỏi	20	19	8,775,000	
7	1681410257	Trần Đình	Hùng	10/10/1998	D11CNTD2	3.96	85		Giỏi	26	19	8,775,000	
8	1681410143	Vũ Công	Thành	23/09/1998	D11CNTD1	3.87	85		Giỏi	19	19	8,775,000	
9	1681410135	Nguyễn Đình	Mạnh	08/12/1998	D11CNTD1	3.76	85		Giỏi	25	19	8,775,000	
10	1681420216	Nguyễn Văn	Dương	02/11/1998	D11DCN&DD2	4	92	2.83	Xuất sắc	19	19	9,570,000	
11	1681420224	Nguyễn Văn	Khánh	11/02/1998	D11DCN&DD2	4	90	2.90	Xuất sắc	19	19	9,570,000	
12	1681420222	Nguyễn Tiến	Hùng	06/03/1998	D11DCN&DD2	4	90	2.75	Xuất sắc	19	19	9,570,000	
13	1681420227	Nguyễn Quang	Linh	15/01/1998	D11DCN&DD2	4	90	2.65	Xuất sắc	19	19	9,570,000	
14	1681420247	Nguyễn Thanh	Tú	27/09/1998	D11DCN&DD2	4	89	3.18	Giỏi	19	19	8,775,000	
15	1681420239	Vì Minh	Sơn	10/08/1997	D11DCN&DD2	4	89	2.76	Giỏi	19	19	8,775,000	
16	1681420133	Nguyễn Hải	Nam	05/07/1998	D11DCN&DD1	4	87	3.27	Giỏi	19	19	8,775,000	
17	1681420111	Nguyễn Huy	Diện	25/10/1998	D11DCN&DD1	4	87	2.65	Giỏi	19	19	8,775,000	
18	1681420109	Hà Hoàng	Đạt	25/09/1997	D11DCN&DD1	4	86	2.29	Giỏi	19	19	8,775,000	

TT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Tên lớp học	Điểm TB tín chỉ xét HB	Điểm rèn luyện xét HB	TBC khóa học	Xếp loại nhận học bổng	Số đơn vị học trình đăng ký	Số đơn vị học trình điều kiện	Mức tiền được hưởng sinh viên (ĐVT: VNĐ)	Ký nhận
19	1681510008	Nguyễn Đức	Hiền	24/07/1998	CLC.D11DTVT	4	90	2.85	Xuất sắc	19	19	9,570,000	
20	1681510145	Trịnh Thị Thùy	Trang	23/12/1998	D11DTVT1	4	90	2.58	Xuất sắc	19	19	9,570,000	
21	1681510246	Đỗ Anh	Tú	26/01/1998	D11DTVT2	4	83	3.1	Giỏi	19	19	8,775,000	
22	1681510244	Dương Tuấn	Tới	26/10/1998	D11DTVT2	4	83	2.93	Giỏi	19	19	8,775,000	
23	1681510213	Lê Minh	Hiếu	26/10/1998	D11DTVT2	4	83	2.92	Giỏi	19	19	8,775,000	
24	1681510215	Hà Thị	Huệ	29/08/1998	D11DTVT2	4	83	2.91	Giỏi	19	19	8,775,000	
25	1681110257	Nguyễn Quang	Thắng	08/09/1998	D11H2	4	84	3.75	Giỏi	19	19	8,775,000	
26	1681110363	Nguyễn Văn	Tường	06/10/1995	D11H3	4	84	3.44	Giỏi	19	19	8,775,000	
27	1681110273	Nguyễn Trần	Vương	04/07/1998	D11H2	4	84	3.36	Giỏi	19	19	8,775,000	
28	1681110261	Bùi Quang	Tiến	25/10/1997	D11H2	4	84	3.28	Giỏi	19	19	8,775,000	
29	1681110319	Nguyễn Đức	Hiếu	01/08/1998	D11H3	4	84	3.27	Giỏi	19	19	8,775,000	
30	1681110115	Nguyễn Chí	Dũng	17/08/1998	D11H1	4	84	3.25	Giỏi	19	19	8,775,000	
31	1681110001	Trần Hoàng	Anh	27/09/1998	CLC.D11H1	4	84	3.23	Giỏi	21	19	8,775,000	
32	1681110331	Nguyễn Quang	Linh	28/08/1998	D11H3	4	84	3.2	Giỏi	19	19	8,775,000	
33	1681110131	Nguyễn Hoàng	Lâm	03/01/1998	D11H1	4	84	3.13	Giỏi	19	19	8,775,000	
34	1681110027	Nguyễn Thị Huyền	Trang	11/11/1998	CLC.D11H1	4	84	3.08	Giỏi	19	19	8,775,000	
35	1681110164	Trần Văn	Tú	06/04/1998	D11H1	4	84	3.07	Giỏi	19	19	8,775,000	
36	1682710015	Phạm Minh	Tiến	26/09/1998	CLC.D11H1	4	84	3.05	Giỏi	19	19	8,775,000	
37	1681110248	Phùng Thị	Quyên	19/09/1998	D11H2	4	84	3.04	Giỏi	19	19	8,775,000	
38	1681110107	Cao Khắc	Chung	23/09/1998	D11H1	4	84	3.02	Giỏi	19	19	8,775,000	

TT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Tên lớp học	Điểm TB tín chỉ xét HB	Điểm rèn luyện xét HB	TBC khóa học	Xếp loại nhận học bổng	Số đơn vị học trình đăng ký	Số đơn vị học trình điều kiện	Mức tiền được hưởng sinh viên (ĐVT: VNĐ)	Ký nhận
39	1681110342	Phạm Minh	Phuong	24/02/1998	D11H3	4	84	2.99	Giỏi	19	19	8,775,000	
40	1681110007	Nguyễn Xuân	Duy	20/09/1998	CLC.D11H1	4	84	2.98	Giỏi	19	19	8,775,000	
41	1681110244	Tạ Thị Cẩm	Nhung	22/10/1998	D11H2	4	84	2.97	Giỏi	19	19	8,775,000	
42	1681110149	Lê Quang	Sơn	16/04/1998	D11H1	4	84	2.95	Giỏi	19	19	8,775,000	
43	1681210112	Lê Thùy	Dung	13/09/1998	D11QLNL	4	90	3.42	Xuất sắc	19	19	9,570,000	
44	1681210151	Trần Thị Minh	Thư	22/05/1998	D11QLNL	4	85	3.23	Giỏi	19	19	8,775,000	
45	1681210137	Nguyễn Thị	Nhuân	07/02/1998	D11QLNL	4	85	2.75	Giỏi	19	19	8,775,000	
46	1681630026	Nguyễn Nam	Trương	28/12/1998	D11XDCTD	4	90	3.14	Xuất sắc	19	19	9,570,000	
47	1681610014	Nguyễn Việt	Hà	17/09/1998	D11CNCTM	4	90	2.83	Xuất sắc	19	19	9,570,000	
48	1681610044	Nguyễn Trí	Thức	10/02/1998	D11CNCTM	4	90	2.66	Xuất sắc	19	19	9,570,000	
49	1681610051	Hoàng Văn	Tuyên	22/05/1998	D11CNCTM	4	85	3.3	Giỏi	26	19	8,775,000	
50	1681660016	Trần Ngọc	Hải	27/11/1998	D11CNCTTBD	4	85	2.78	Giỏi	19	19	8,775,000	
51	1681660005	Nguyễn Thành	Công	16/06/1998	D11CNCTTBD	4	85	2.65	Giỏi	19	19	8,775,000	
52	1681310001	Đoàn Thị Phương	Anh	26/01/1998	D11CNPM	4	90	2.75	Xuất sắc	19	19	9,570,000	
53	1681310024	Nguyễn Minh	Dương	01/11/1998	D11CNPM	4	85	3.49	Giỏi	19	19	8,775,000	
54	1681310021	Nguyễn Văn	Dũng	10/09/1998	D11CNPM	4	85	3.03	Giỏi	19	19	8,775,000	
55	1681650025	Đỗ Trung	Thành	11/05/1998	D11XDDD&CN	4	85	2.93	Giỏi	19	19	8,775,000	
56	1681330043	Bùi Thanh	Thùy	06/05/1998	D11TMDT	4	85	3.25	Giỏi	19	19	8,775,000	
57	1681330030	Lê Hồng	Ngọc	03/03/1998	D11TMDT	4	85	3.25	Giỏi	19	19	8,775,000	
58	1681330033	Vũ Thị	Phúc	30/03/1998	D11TMDT	4	85	3.14	Giỏi	19	19	8,775,000	

TT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Tên lớp học	Điểm TB tín chỉ xét HB	Điểm rèn luyện xét HB	TBC khóa học	Xếp loại nhận học bổng	Số đơn vị học trình đăng ký	Số đơn vị học trình điều kiện	Mức tiền được hưởng sinh viên (ĐVT: VNĐ)	Ký nhận
59	1681320046	Nguyễn Thị Hải	Yến	04/10/1998	D11QTANM	4	95	2.99	Xuất sắc	19	19	9,570,000	
60	1681320028	Dương Phương	Nam	26/02/1998	D11QTANM	4	85	3.32	Giỏi	19	19	8,775,000	
61	1681320044	Mai Quang	Vinh	22/09/1998	D11QTANM	4	85	3.08	Giỏi	19	19	8,775,000	
62	1681640017	Khuong Thị	Lượt	25/09/1998	D11QLDA&CTD	4	85	2.77	Giỏi	19	19	8,775,000	
63	1681620045	Phạm Đình	Quyết	26/10/1998	D11CODT	4	90	2.92	Xuất sắc	19	19	9,570,000	
64	1681620034	Phạm Văn	Linh	19/05/1998	D11CODT	4	90	2.87	Xuất sắc	19	19	9,570,000	
65	1681620016	Trần Thành	Đạt	24/03/1997	D11CODT	4	83	3.38	Giỏi	19	19	8,775,000	
66	1681620035	Hoàng Văn	Minh	27/09/1998	D11CODT	4	83	3.32	Giỏi	19	19	8,775,000	
67	1681510402	Trần Ngọc	Ánh	07/01/1998	D11TBDTYT	4	90	2.99	Xuất sắc	19	19	9,570,000	
68	1681910047	Trần Văn	Thông	03/01/1997	D11NHIET	4	90	3.26	Xuất sắc	19	19	9,570,000	
69	1681910024	Phạm Việt	Hoàng	31/05/1998	D11NHIET	4	90	2.73	Xuất sắc	19	19	9,570,000	
70	1681910046	Lê Thị	Thắm	11/10/1998	D11NHIET	4	85	3.1	Giỏi	19	19	8,775,000	
71	1681510339	Trần Thị	Nhung	20/01/1998	D11KTDT	4	90	3.32	Xuất sắc	19	19	9,570,000	
72	1681510311	Nguyễn Văn	Đức	22/03/1998	D11KTDT	4	85	3.35	Giỏi	19	19	8,775,000	
73	1681510323	Nguyễn Thanh	Hương	24/06/1998	D11KTDT	4	85	3.19	Giỏi	19	19	8,775,000	
74	1681510324	Nguyễn Thị	Hương	01/02/1998	D11KTDT	4	85	3.17	Giỏi	19	19	8,775,000	
75	1682710007	Nguyễn Đình	Diện	12/02/1997	D11DHN	4	99	3.29	Xuất sắc	19	19	9,570,000	
76	1681940023	Phạm Văn	Kiên	26/07/1998	D11DIENLANH	4	90	2.98	Xuất sắc	19	19	9,570,000	
77	1681940026	Nguyễn Văn	Ngọc	13/10/1998	D11DIENLANH	4	85	3.06	Giỏi	19	19	8,775,000	
78	1681410321	Hoàng Đắc	Hiệp	13/08/1998	D11TDH&DKTB	4	90	2.98	Xuất sắc	19	19	9,570,000	

(Signature)

TT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Tên lớp học	Điểm TB tín chỉ xét HB	Điểm rèn luyện xét HB	TBC khóa học	Xếp loại nhận học bổng	Số đơn vị học trình đăng ký	Số đơn vị học trình điều kiện	Mức tiền được hưởng sinh viên (ĐVT: VNĐ)	Ký nhận
79	1681410347	Đoàn Thị	Nga	10/08/1998	D11TDH&DKTB	4	85	2.86	Giỏi	19	19	8,775,000	
80	1681410374	Triệu Thanh	Tùng	18/10/1998	D11TDH&DKTB	4	85	2.67	Giỏi	19	19	8,775,000	
81	1681410363	Lê Quốc	Thiện	25/09/1997	D11TDH&DKTB	4	85	2.53	Giỏi	19	19	8,775,000	
82	1681960010	Hoàng Duy	Thanh	30/08/1997	D11NLTT	3.71	80	2.62	Giỏi	24	19	8,775,000	
83	1681950009	Vũ Thị	Luyện	11/03/1998	D11QLMT	4	90	3.12	Xuất sắc	21	19	9,570,000	
84	1781330016	Lê Thị Thúy	Hiền	13/09/1999	D12TMDT	3.89	90		Xuất sắc	18	18	9,570,000	
85	1781330057	Trần Thị	Tuyến	24/10/1999	D12TMDT	3.81	90		Xuất sắc	21	18	9,570,000	
86	1781330024	Phí Thị Vi	Huyền	11/01/1999	D12TMDT	3.81	90		Xuất sắc	21	18	9,570,000	
87	1781410023	Đặng Hùng	Mạnh	28/09/1999	D12CNTD	3.37	86		Giỏi	19	19	8,775,000	
88	1781410031	Hà Bách	Thịnh	31/01/1999	D12CNTD	2.92	85		Khá	19	19	7,975,000	
89	1781410037	Lê Viết	Trung	20/2/1999	D12CNTD	2.68	93		Khá	19	19	7,975,000	
90	1781410128	Tăng Thị Như	Quỳnh	20/09/1999	CLC.D12CNTD	2.59	89		Khá	19	19	7,975,000	
91	1781420002	Vũ Khắc	Bình	18/09/1995	D12DCN&DD	3.74	81		Giỏi	17	16	8,775,000	
92	1781420201	Trần Đức	Anh	26/06/1999	CLC.D12DCN	3.65	92		Xuất sắc	17	16	9,570,000	
93	1781420106	Trần Minh	Đạt	05/05/1998	D12DCN&DD	3.64	83		Giỏi	18	16	8,775,000	
94	1781420123	Lê Văn	Minh	03/07/1999	D12DCN&DD	3.59	88		Giỏi	16	16	8,775,000	
95	1781420149	Đồng Xuân	Chiến	02/05/1999	D12DCN&DD	3.58	75		Khá	19	16	7,975,000	
96	1781420014	Nguyễn Hà	Giang	24/07/1999	D12DCN&DD	3.53	90		Giỏi	16	16	8,775,000	
97	1781420136	Vũ Hoàng	Trường	10/02/1999	D12DCN&DD	3.53	88		Giỏi	16	16	8,775,000	
98	1781510061	Nguyễn Hà	Phương	14/11/1999	D12DTVT	3.63	80		Giỏi	16	16	8,775,000	

đ

TT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Tên lớp học	Điểm TB tín chỉ xét HB	Điểm rèn luyện xét HB	TBC khóa học	Xếp loại nhận học bổng	Số đơn vị học trình đăng ký	Số đơn vị học trình điều kiện	Mức tiền được hưởng sinh viên (ĐVT: VNĐ)	Ký nhận
99	1781510120	Nguyễn Quang	Tùng	09/08/1999	CLC.D12DTVT	3.44	83		Giỏi	16	16	8,775,000	
100	1781510117	Cù Huy	Quang	06/06/1999	CLC.D12DTVT	3.22	82		Giỏi	19	16	8,775,000	
101	1781510003	Trần Hạnh	Ngân	16/11/1998	D12DTVT	3.18	80		Khá	16	16	7,975,000	
102	1781510111	Vương Minh	Hoàng	08/04/1999	CLC.D12DTVT	3.11	77		Khá	19	16	7,975,000	
103	1781510005	Nguyễn Thị Tố	Anh	11/11/1999	D12DTVT	2.88	90		Khá	20	16	7,975,000	
104	1781110220	Vũ Quang	Huy	26/01/1999	CLC.D12H	3.98	90		Xuất sắc	20	18	9,570,000	
105	1781110174	Lê Tấn	Vũ	30/12/1999	D12H2	3.92	90		Xuất sắc	18	18	9,570,000	
106	1781110045	Ngô Quốc Chương	Kiên	11/02/1999	D12H1	3.86	89		Giỏi	18	18	8,775,000	
107	1781110023	Nguyễn Phúc	Duyệt	11/09/1995	D12H1	3.83	85		Giỏi	18	18	8,775,000	
108	1781110035	Nguyễn Đức	Hoàn	09/08/1999	D12H1	3.78	89		Giỏi	18	18	8,775,000	
109	1781110138	Nguyễn Thị	Huệ	13/05/1999	D12H2	3.75	91		Xuất sắc	18	18	9,570,000	
110	1781110163	Trần Hữu	Thơm	20/12/1999	D12H2	3.72	84		Giỏi	18	18	8,775,000	
111	1781110150	Nguyễn Thành	Nam	07/02/1999	D12H2	3.67	90		Xuất sắc	18	18	9,570,000	
112	1781110028	Vương Quốc	Hải	20/05/1999	D12H1	3.65	86		Giỏi	24	18	8,775,000	
113	1781110077	Trần Văn	Lý	19/07/1996	D12H1	3.64	88		Giỏi	18	18	8,775,000	
114	1781110145	Phạm Khắc	Kiên	13/06/1999	D12H2	3.61	90		Xuất sắc	22	18	9,570,000	
115	1781110167	Nguyễn Xuân	Trường	12/09/1999	D12H2	3.55	80		Giỏi	20	18	8,775,000	
116	1781110180	Nguyễn Long	Đạt	01/02/1999	D12H2	3.5	82		Giỏi	22	18	8,775,000	
117	1781810109	Nguyễn Thị Ngọc	Ánh	01/04/1999	D12KTDN2	3.94	88		Giỏi	17	17	7,865,000	
118	1781810123	Trần Thị Thúy	Hằng	19/02/1998	D12KTDN2	3.76	87		Giỏi	17	17	7,865,000	

đc

TT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Tên lớp học	Điểm TB tín chỉ xét HB	Điểm rèn luyện xét HB	TBC khóa học	Xếp loại nhận học bổng	Số đơn vị học trình đăng ký	Số đơn vị học trình điều kiện	Mức tiền được hưởng sinh viên (ĐVT: VNĐ)	Ký nhận
119	1781810165	Nguyễn Thị	Thắm	04/01/1999	D12KTDN2	3.76	87		Giỏi	17	17	7,865,000	
120	1781810041	Phạm Thị Thu	Lan	17/04/1999	D12KTDN1	3.76	80		Giỏi	17	17	7,865,000	
121	1781810059	Nguyễn Thị	Phương	16/10/1999	D12KTDN1	3.71	83		Giỏi	17	17	7,865,000	
122	1781810146	Trần Thị Thùy	Linh	23/03/1999	D12KTDN2	3.71	85		Giỏi	17	17	7,865,000	
123	1781810114	Đoàn Hải	Dương	29/01/1999	D12KTDN2	3.65	86		Giỏi	17	17	7,865,000	
124	1781810070	Nguyễn Thị	Thảo	11/07/1999	D12KTDN1	3.65	81		Giỏi	17	17	7,865,000	
125	1781810157	Nguyễn Thị	Nương	12/06/1999	D12KTDN2	3.65	78		Khá	17	17	7,150,000	
126	1781810209	Lê Thị Thanh	Hiền	27/03/1999	CLC.D12KTDN	3.63	87		Giỏi	16	16	7,865,000	
127	1781810032	Ngô Huy	Hoàng	19/12/1995	D12KTDN1	3.59	72		Khá	17	17	7,150,000	
128	1781710052	Nguyễn Ánh	Tuyết	27/12/1999	D12QTDN	3.83	84		Giỏi	18	16	7,865,000	
129	1781710036	Nguyễn Khánh	Linh	28/08/1999	D12QTDN	3.67	84		Giỏi	21	16	7,865,000	
130	1781710009	Nguyễn Thị Lan	Chinh	14/06/1999	D12QTDN	3.56	85		Giỏi	18	16	7,865,000	
131	1781710103	Trần Duy	Anh	06/12/1998	CLC.D12QTDN	3.56	91		Giỏi	16	16	7,865,000	
132	1781820030	Bùi Thị Khánh	Linh	09/12/1999	D12TCDN	3.92	82		Giỏi	19	19	7,865,000	
133	1781820039	Trần Thành	Nam	08/11/1999	D12TCDN	3.82	85		Giỏi	19	19	7,865,000	
134	1781820050	Lương Thị Thu	Phương	07/06/1999	D12TCDN	3.79	88		Giỏi	19	19	7,865,000	
135	1781820028	Nguyễn Trung	Kiên	14/07/1997	D12TCDN	3.66	71		Khá	19	19	7,150,000	
136	1781820067	Phạm Tú	Uyên	15/07/1999	D12TCDN	3.66	88		Giỏi	19	19	7,865,000	
137	1781310161	Nguyễn Thị Phương	Ngọc	10/10/1999	D12CNPM2	3.95	84		Giỏi	21	21	8,775,000	
138	1781310108	Trần Thế	Anh	01/01/1999	D12CNPM2	3.95	88		Giỏi	21	21	8,775,000	

TT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Tên lớp học	Điểm TB tín chỉ xét HB	Điểm rèn luyện xét HB	TBC khóa học	Xếp loại nhận học bổng	Số đơn vị học trình đăng ký	Số đơn vị học trình điều kiện	Mức tiền được hưởng sinh viên (ĐVT: VNĐ)	Ký nhận
139	1781310060	Nguyễn Bích	Ngọc	17/04/1999	D12CNPM1	3.9	88		Giỏi	21	21	8,775,000	
140	1781310110	Võ Tá	Bảo	03/02/1999	D12CNPM2	3.9	80		Giỏi	21	21	8,775,000	
141	1781310004	Nguyễn Hoàng	Anh	06/04/1999	D12CNPM1	3.86	83		Giỏi	21	21	8,775,000	
142	1781310073	Nguyễn Thị	Thùy	29/08/1999	D12CNPM1	3.86	96		Xuất sắc	21	21	9,570,000	
143	1781310022	Nguyễn Tấn	Đông	07/01/1995	D12CNPM1	3.86	85		Giỏi	21	21	8,775,000	
144	1781310107	Phạm Minh	Anh	07/01/1999	D12CNPM2	3.86	84		Giỏi	21	21	8,775,000	
145	1781310065	Trần Đức	Soạn	10/11/1999	D12CNPM1	3.86	81		Giỏi	21	21	8,775,000	
146	1781620087	Nguyễn Duy	Thành	23/11/1999	D12CODT1	3.94	93		Xuất sắc	17	17	9,570,000	
147	1781620066	Nguyễn Văn	Minh	28/09/1999	D12CODT2	3.88	83		Giỏi	17	17	8,775,000	
148	1781620104	Lê Văn	Tuyên	21/03/1999	D12CODT2	3.88	83		Giỏi	17	17	8,775,000	
149	1781620065	Võ Hồng	Mạnh	14/02/1999	D12CODT1	3.82	93		Xuất sắc	17	17	9,570,000	
150	1781620090	Nguyễn Văn	Tiến	24/06/1999	D12CODT2	3.82	92		Xuất sắc	17	17	9,570,000	
151	1781620019	Tô Ngọc	Dậu	05/04/1999	D12CODT1	3.76	83		Giỏi	17	17	8,775,000	
152	1781620027	Nguyễn Minh	Đức	30/09/1999	D12CODT1	3.76	83		Giỏi	17	17	8,775,000	
153	1781620035	Lâm Văn	Duy	11/04/1999	D12CODT1	3.76	83		Giỏi	17	17	8,775,000	
154	1781410382	Nguyễn Xuân	Lộc	30/03/1998	D12TDH&DK1	3.66	90		Xuất sắc	31	18	9,570,000	
155	1781410036	Trần Hoàng	Lâm	30/04/1999	D12TDH&DK1	3.4	83		Giỏi	24	18	8,775,000	
156	1781410411	Bùi Đức	Cường	11/12/1999	D12TDH&DK2	3.38	81		Giỏi	24	18	8,775,000	
157	1781410470	Ngô Quang	Thủy	09/07/1999	D12TDH&DK2	3.2	81		Giỏi	25	18	8,775,000	
158	1781410480	Nguyễn Văn	Vĩnh	30/08/1999	D12TDH&DK2	2.98	87		Khá	20	18	7,975,000	

đ

TT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Tên lớp học	Điểm TB tín chỉ xét HB	Điểm rèn luyện xét HB	TBC khóa học	Xếp loại nhận học bổng	Số đơn vị học trình đăng ký	Số đơn vị học trình điều kiện	Mức tiền được hưởng sinh viên (ĐVT: VNĐ)	Ký nhận
159	1781410317	Nguyễn Văn	Đạt	21/09/1999	D12TDH&DK1	2.94	82		Khá	18	18	7,975,000	
160	1781410442	Phạm Lê Quốc	Hữu	30/10/1999	D12TDH&DK2	2.86	85		Khá	18	18	7,975,000	
161	1781410427	Lê Văn	Hải	11/02/1999	D12TDH&DK2	2.86	82		Khá	18	18	7,975,000	
162	1781410312	Cù Ngọc	Đại	11/06/1996	D12TDH&DK1	2.82	99		Khá	22	18	7,975,000	
163	1781410341	Vũ Khải	Hung	03/08/1999	D12TDH&DK1	2.8	83		Khá	22	18	7,975,000	
164	1781610067	Trương Văn	Thắng	26/07/1999	D12CNCTM	3.56	80		Giỏi	18	18	8,775,000	
165	1781610024	Kiều Văn	Hiển	15/03/1999	D12CNCTM	3.55	85		Giỏi	21	18	8,775,000	
166	1781610044	Lê Quang	Phú	29/04/1999	D12CNCTM	3.42	80		Giỏi	18	18	8,775,000	
167	1781610040	Nguyễn Lương	Nguyên	23/11/1999	D12CNCTM	3.42	80		Giỏi	18	18	8,775,000	
168	1781940016	Bùi Nguyễn Ngọc	Hoàng	17/10/1999	D12DIENLANH	3.7	85		Giỏi	20	20	8,775,000	
169	1781940001	Đặng Đức	Anh	14/07/1999	D12DIENLANH	3.55	85		Giỏi	20	20	8,775,000	
170	1781940006	Nguyễn Đình	Đức	14/10/1999	D12DIENLANH	3.48	85		Giỏi	20	20	8,775,000	
171	1781510219	Nguyễn Thị	Hồng	26/02/1999	D12KTDT	3.45	84		Giỏi	19	19	8,775,000	
172	1781510226	Nguyễn Trọng	Linh	19/09/1999	D12KTDT	3.39	79		Khá	19	19	7,975,000	
173	1781510207	Thân Thị	Định	08/04/1999	D12KTDT	3.13	79		Khá	19	19	7,975,000	
174	1781510227	Nguyễn Văn	Linh	16/07/1999	D12KTDT	2.97	76		Khá	19	19	7,975,000	
175	1781830021	Nguyễn Văn	Quyền	05/01/1998	D12KTTC&KS	3.79	86		Giỏi	19	19	7,865,000	
176	1781830015	Nguyễn Thị	Mai	09/08/1999	D12KTTC&KS	3.58	85		Giỏi	19	19	7,865,000	
177	1781910007	Nguyễn Đức	Trung	07/08/1999	D12NHIET	2.74	75		Khá	21	18	7,975,000	
178	1781640013	Võ Minh	Nam	17/11/1999	D12QLDA&CTD	3.89	81		Giỏi	23	23	8,775,000	

9

TT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Tên lớp học	Điểm TB tín chỉ xét HB	Điểm rèn luyện xét HB	TBC khóa học	Xếp loại nhận học bổng	Số đơn vị học trình đăng ký	Số đơn vị học trình điều kiện	Mức tiền được hưởng sinh viên (ĐVT: VNĐ)	Ký nhận
179	1781320004	Nguyễn Khắc	Đồng	22/07/1999	D12QTANM	3.78	83		Giỏi	23	23	8,775,000	
180	1781320028	Lê Thị	Thủy	21/04/1999	D12QTANM	3.78	83		Giỏi	23	23	8,775,000	
181	1781720030	Mai Thị	Ngọc	26/12/1999	D12QTDLKS	3.94	84		Giỏi	16	16	7,865,000	
182	1781720029	Trần Hoài	Nam	15/06/1999	D12QTDLKS	3.94	79		Khá	16	16	7,150,000	
183	1781720043	Lại Đức	Trung	28/01/1999	D12QTDLKS	3.81	85		Giỏi	16	16	7,865,000	
184	1781510310	Nguyễn Văn	Vĩnh	14/10/1999	D12TBDTYT	2.5	82		Khá	19	19	7,975,000	
185	1781630010	Đặng Văn	Huân	18/08/1999	D12XDCTD	3.8	82		Giỏi	22	22	8,775,000	
186	1781630009	Hà Thành	Duy	06/07/1999	D12XDCTD	3.8	82		Giỏi	22	22	8,775,000	
187	1781650010	Vương Ngọc	Hiền	30/01/1999	D12XDDD&CN	3.48	83		Giỏi	20	20	8,775,000	
188	18810420082	Dương Quốc	Cường	16/09/2000	D13DCN&DD1	3.76	90		Xuất sắc	17	17	9,570,000	
189	18810420077	Phạm Dương	Thuận	11/06/2000	D13DCN&DD2	3.68	91		Xuất sắc	17	17	9,570,000	
190	18810420207	Đoàn Bắc	Học	23/04/2000	D13DCN&DD1	3.68	84		Giỏi	17	17	8,775,000	
191	18810420062	Nguyễn Tiến	Anh	02/01/2000	D13DCN&DD1	3.62	94		Xuất sắc	17	17	9,570,000	
192	18810420175	Hoàng Khánh	Huy	15/09/2000	D13DCN&DD1	3.6	88		Giỏi	20	17	8,775,000	
193	18810420184	Bùi Văn	Thìn	19/09/2000	D13DCN&DD2	3.38	84		Giỏi	17	17	8,775,000	
194	18810420161	Nguyễn Đình	Khang	04/12/2000	D13DCN&DD1	3.33	88		Giỏi	17	17	8,775,000	
195	18810110128	Mai Xuân	Minh	24/01/2000	D13H1	3.88	83		Giỏi	17	17	8,775,000	
196	18810110226	Lâm Đức	Anh	15/09/2000	D13H2	3.65	82		Giỏi	17	17	8,775,000	
197	18810110248	Phạm Quốc	Khánh	25/07/1999	D13H2	3.53	80		Giỏi	17	17	8,775,000	
198	18810110135	Nguyễn Tiến	Anh	30/08/2000	D13H1	3.53	84		Giỏi	17	17	8,775,000	

TT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Tên lớp học	Điểm TB tín chỉ xét HB	Điểm rèn luyện xét HB	TBC khóa học	Xếp loại nhận học bổng	Số đơn vị học trình đăng ký	Số đơn vị học trình điều kiện	Mức tiền được hưởng sinh viên (ĐVT: VNĐ)	Ký nhận
199	18810110003	Vũ Hoàng	Lân	01/05/2000	D13H1	3.5	82		Giỏi	17	17	8,775,000	
200	18810110041	Phạm Văn	Đồng	03/12/2000	D13H1	3.5	84		Giỏi	17	17	8,775,000	
201	18810110066	Nguyễn Gia	Huy	15/06/2000	D13H1	3.5	82		Giỏi	17	17	8,775,000	
202	18810110075	Nguyễn Thành	Lộc	04/06/2000	D13H1	3.47	83		Giỏi	17	17	8,775,000	
203	18810160038	Hoàng Kiên	Cường	09/12/2000	D13H3	3.47	94		Giỏi	17	17	8,775,000	
204	18810110271	Phạm Gia	Khiêm	07/04/2000	D13H1	3.44	82		Giỏi	17	17	8,775,000	
205	18810110124	Lê Quang	Long	14/08/2000	D13H1	3.41	82		Giỏi	17	17	8,775,000	
206	18810110181	Phạm Trung	Hiếu	16/11/2000	D13H2	3.38	81		Giỏi	17	17	8,775,000	
207	18810110114	Trần Đình	Dương	20/10/2000	D13H1	3.38	80		Giỏi	17	17	8,775,000	
208	18810410079	Trần Trọng	Chính	01/01/2000	D13CNKTDK	3.62	80		Giỏi	17	17	8,775,000	
209	18810410041	Lương Ngọc	Khánh	12/10/2000	D13CNKTDK	3.59	80		Giỏi	17	17	8,775,000	
210	18810410232	Đỗ Đức	Hải	25/10/2000	D13CNKTDK	3.53	80		Giỏi	17	17	8,775,000	
211	18810410070	Nguyễn Duy	Hùng	10/03/2000	D13CNKTDK	3.48	80		Giỏi	21	17	8,775,000	
212	18810410207	Nguyễn Thị Thu	Hà	31/03/2000	D13CNKTDK	3.47	80		Giỏi	17	17	8,775,000	
213	18810410108	Đoàn Việt	Giang	05/06/2000	D13CNKTDK	3.44	80		Giỏi	17	17	8,775,000	
214	18810410220	Nguyễn Đình	Sơn	07/06/2000	D13CNKTDK	3.44	80		Giỏi	17	17	8,775,000	
215	18810310643	Nguyễn Quang	Hiếu	02/10/2000	D13CNPM7	4	82		Giỏi	15	15	8,775,000	
216	18810310124	Vũ Minh	Châu	26/05/2000	D13CNPM2	4	83		Giỏi	15	15	8,775,000	
217	18810310325	Phương Công	Thắng	25/07/2000	D13CNPM4	4	96		Xuất sắc	15	15	9,570,000	
218	18810310455	Lê Quang	Vỹ	12/08/2000	D13CNPM5	4	82		Giỏi	15	15	8,775,000	

TT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Tên lớp học	Điểm TB tín chỉ xét HB	Điểm rèn luyện xét HB	TBC khóa học	Xếp loại nhận học bổng	Số đơn vị học trình đăng ký	Số đơn vị học trình điều kiện	Mức tiền được hưởng sinh viên (ĐVT: VNĐ)	Ký nhận
219	18810310142	Ninh Ngọc	Tuấn	06/06/2000	D13CNPM2	4	93		Xuất sắc	15	15	9,570,000	
220	18810310208	Nguyễn Hiệp	Lộc	08/02/2000	D13CNPM3	4	97		Xuất sắc	15	15	9,570,000	
221	18810310165	Vũ Phi	Long	25/12/2000	D13CNPM2	4	83		Giỏi	15	15	8,775,000	
222	18810310576	Đỗ Thị Hồng	Hạnh	01/12/2000	D13CNPM7	4	83		Giỏi	15	15	8,775,000	
223	18810310085	Tạ Quốc	Trần	11/01/2000	D13CNPM1	4	90		Xuất sắc	15	15	9,570,000	
224	18810310048	Nguyễn Đức	Long	12/03/2000	D13CNPM1	4	90		Xuất sắc	15	15	9,570,000	
225	18810310428	Nguyễn Văn	Nam	12/10/2000	D13CNPM5	4	90		Xuất sắc	15	15	9,570,000	
226	18810310577	Phùng Thị Ánh	Ngọc	14/11/2000	D13CNPM7	4	82		Giỏi	15	15	8,775,000	
227	18810310436	Ngô Thị	Huệ	10/07/2000	D13CNPM5	3.97	93		Xuất sắc	15	15	9,570,000	
228	18810310176	Đỗ Tuấn	Kiệt	16/01/2000	D13CNPM2	3.93	77		Khá	15	15	7,975,000	
229	18810310168	Đoàn Phi	Long	29/08/2000	D13CNPM2	3.93	77		Khá	15	15	7,975,000	
230	18810310138	Nguyễn Thế	Son	25/12/2000	D13CNPM2	3.93	83		Giỏi	15	15	8,775,000	
231	18810310610	Đặng Hoàng	Long	18/10/2000	D13CNPM7	3.93	84		Giỏi	15	15	8,775,000	
232	18810310554	Nguyễn Hữu	Quyền	01/05/2000	D13CNPM2	3.93	83		Giỏi	15	15	8,775,000	
233	18810310051	Lã Quốc	Nghị	10/01/2000	D13CNPM1	3.93	90		Xuất sắc	15	15	9,570,000	
234	18810310512	Phạm Văn	Quý	10/05/2000	D13CNPM6	3.93	84		Giỏi	15	15	8,775,000	
235	18810310338	Vũ Nguyễn Đình	Linh	02/04/2000	D13CNPM4	3.93	90		Xuất sắc	15	15	9,570,000	
236	18810310376	Lê Hữu	Thành	09/11/2000	D13CNPM5	3.9	83		Giỏi	15	15	8,775,000	
237	18810310503	Lò Hoàng	Linh	25/09/2000	D13CNPM6	3.9	84		Giỏi	15	15	8,775,000	
238	18810310371	Đàm Thận	Thanh	21/10/2000	D13CNPM4	3.9	85		Giỏi	15	15	8,775,000	



TT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Tên lớp học	Điểm TB tín chỉ xét HB	Điểm rèn luyện xét HB	TBC khóa học	Xếp loại nhận học bổng	Số đơn vị học trình đăng ký	Số đơn vị học trình điều kiện	Mức tiền được hưởng sinh viên (ĐVT: VNĐ)	Ký nhận
239	18810310623	Nguyễn Minh	Tuệ	02/07/2000	D13CNPM7	3.9	80		Giỏi	15	15	8,775,000	
240	18810310256	Đỗ Thị	Thu	04/07/2000	D13CNPM3	3.9	81		Giỏi	15	15	8,775,000	
241	18810310570	Hoàng Văn	Hòa	21/09/2000	D13CNPM7	3.87	82		Giỏi	15	15	8,775,000	
242	18810310514	Nguyễn Trọng	Thanh	07/06/2000	D13CNPM6	3.87	84		Giỏi	15	15	8,775,000	
243	18810310364	Hoàng Thu	Phuong	12/08/2000	D13CNPM4	3.87	86		Giỏi	15	15	8,775,000	
244	18810310509	Nguyễn Thị Phuong	Thảo	27/01/2000	D13CNPM6	3.87	90		Xuất sắc	15	15	9,570,000	
245	18810310442	Đỗ Nguyễn Thiện	Khiêm	19/04/2000	D13CNPM5	3.87	83		Giỏi	15	15	8,775,000	
246	18810310007	Khúc Bùi Duy	Thịnh	26/08/2000	D13CNPM1	3.83	85		Giỏi	18	15	8,775,000	
247	18810310454	Trần	Đạt	20/11/2000	D13CNPM5	3.83	81		Giỏi	15	15	8,775,000	
248	18810310192	Đỗ Mai	Phúc	10/09/2000	D13CNPM2	3.83	83		Giỏi	15	15	8,775,000	
249	18810310415	Nguyễn Thị	Nhung	05/09/2000	D13CNPM5	3.82	83		Giỏi	17	15	8,775,000	
250	18810620092	Lê Văn	Đồng	26/08/2000	D13CODT1	3.94	77		Khá	18	18	7,975,000	
251	18810620072	Nguyễn Bá Tùng	Lộc	19/04/2000	D13CODT3	3.92	83		Giỏi	18	18	8,775,000	
252	18810620024	Phạm Hồng	Hiếu	30/04/2000	D13CODT1	3.89	91		Xuất sắc	18	18	9,570,000	
253	18810620148	Lê Đức	Hậu	29/10/2000	D13CODT3	3.89	84		Giỏi	22	18	8,775,000	
254	18810620158	Nguyễn Đình	Khoa	23/07/2000	D13CODT1	3.83	84		Giỏi	18	18	8,775,000	
255	18810620026	Nguyễn Văn	Khoa	08/04/2000	D13CODT1	3.78	82		Giỏi	18	18	8,775,000	
256	18810620098	Đỗ Ngọc	Son	20/10/2000	D13CODT2	3.78	82		Giỏi	18	18	8,775,000	
257	18810620144	Đỗ Văn	Trương	14/07/2000	D13CODT1	3.78	87		Giỏi	18	18	8,775,000	
258	18810620153	Hoàng Văn	Hùng	05/10/1999	D13CODT3	3.78	81		Giỏi	18	18	8,775,000	

TT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Tên lớp học	Điểm TB tín chỉ xét HB	Điểm rèn luyện xét HB	TBC khóa học	Xếp loại nhận học bổng	Số đơn vị học trình đăng ký	Số đơn vị học trình điều kiện	Mức tiền được hưởng sinh viên (ĐVT: VNĐ)	Ký nhận
259	18810620156	Đoàn Tiến	Dũng	16/07/2000	D13CODT1	3.76	77		Khá	21	18	7,975,000	
260	18810620134	Lê Bá	Đạt	16/04/2000	D13CODT2	3.75	80		Giỏi	18	18	8,775,000	
261	18810340497	Nguyễn Thị Diễm	Hương	02/06/2000	D13HTTMDT2	3.63	82		Giỏi	16	16	8,775,000	
262	18810340682	Phạm Thị	Hà	03/07/2000	D13HTTMDT2	3.56	82		Giỏi	16	16	8,775,000	
263	18810340537	Bùi Chí	Bảo	11/10/2000	D13HTTMDT2	3.53	83		Giỏi	18	16	8,775,000	
264	18810340136	Nguyễn Thế	Sinh	11/12/2000	D13HTTMDT1	3.5	84		Giỏi	16	16	8,775,000	
265	18810340677	Nguyễn Danh	Hà	22/10/2000	D13HTTMDT2	3.5	83		Giỏi	16	16	8,775,000	
266	18810340672	Lưu Thùy	Dương	12/03/2000	D13HTTMDT2	3.5	76		Khá	16	16	7,975,000	
267	18810340247	Hứa Sơn	Tùng	17/01/2000	D13HTTMDT2	3.5	79		Khá	16	16	7,975,000	
268	18810340663	Phạm Nguyễn Hoàng	Vĩnh	13/09/2000	D13HTTMDT2	3.47	84		Giỏi	19	16	8,775,000	
269	18810340646	Đặng Trần	Quang	27/05/2000	D13HTTMDT2	3.47	77		Khá	16	16	7,975,000	
270	18810810238	Trịnh Thị	Liên	09/10/2000	D13KTDN3	4	81		Giỏi	18	18	7,865,000	
271	18810810059	Kiều Thị	Thúy	04/02/2000	D13KTDN1	3.94	82		Giỏi	18	18	7,865,000	
272	18810810202	Nguyễn Thị	Lương	16/05/2000	D13KTDN3	3.92	81		Giỏi	18	18	7,865,000	
273	18810810251	Nguyễn Thúy	Nga	02/01/2000	D13KTDN3	3.92	84		Giỏi	18	18	7,865,000	
274	18810810085	Nguyễn Thị	Quỳnh	24/09/2000	D13KTDN1	3.92	88		Giỏi	18	18	7,865,000	
275	18810810192	Đặng Thị Kim	Ngân	12/01/2000	D13KTDN3	3.89	82		Giỏi	18	18	7,865,000	
276	18810810176	Bùi Thị	Hường	28/11/2000	D13KTDN3	3.81	84		Giỏi	18	18	7,865,000	
277	18810810162	Phạm Yến	Hoa	24/11/2000	D13KTDN2	3.81	84		Giỏi	18	18	7,865,000	
278	18810810046	Bùi Thị Thu	Huyền	15/10/2000	D13KTDN1	3.81	82		Giỏi	18	18	7,865,000	

TT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Tên lớp học	Điểm TB tín chỉ xét HB	Điểm rèn luyện xét HB	TBC khóa học	Xếp loại nhận học bổng	Số đơn vị học trình đăng ký	Số đơn vị học trình điều kiện	Mức tiền được hưởng sinh viên (ĐVT: VNĐ)	Ký nhận
279	18810810163	Lê Thị Thùy	Trang	19/12/2000	D13KTDN2	3.75	89		Giỏi	18	18	7,865,000	
280	18810810139	Nguyễn Thu	Trang	12/10/2000	D13KTDN2	3.75	84		Giỏi	18	18	7,865,000	
281	18810810018	Lê Thị	Vân	07/11/2000	D13KTDN1	3.75	82		Giỏi	18	18	7,865,000	
282	18810810116	Phạm Thị Thanh	Mai	03/01/2000	D13KTDN2	3.72	85		Giỏi	18	18	7,865,000	
283	18810810071	Nguyễn Thị	Mến	09/10/2000	D13KTDN1	3.69	79		Khá	18	18	7,150,000	
284	18810810246	Lưu Thị Vân	Anh	05/08/2000	D13KTDN1	3.67	86		Giỏi	18	18	7,865,000	
285	18810810036	Dương Thị Minh	Thư	02/03/2000	D13KTDN1	3.64	81		Giỏi	18	18	7,865,000	
286	18810710210	Vũ Thị Hải	Ninh	29/03/2000	D13QTDN1	3.91	90		Xuất sắc	17	17	8,580,000	
287	18810710133	Lê Phương	Thúy	05/06/2000	D13QTDN2	3.74	83		Giỏi	17	17	7,865,000	
288	18810710064	Lê Thị Hương	Ly	28/03/2000	D13QTDN1	3.71	90		Xuất sắc	17	17	8,580,000	
289	18810710212	Nguyễn Thị Bích	Phượng	26/07/2000	D13QTDN1	3.68	80		Giỏi	17	17	7,865,000	
290	18810710076	Nguyễn Thị	Hoài	05/11/2000	D13QTDN1	3.68	90		Xuất sắc	17	17	8,580,000	
291	18810710197	Nguyễn Trung	Hiếu	20/02/2000	D13QTDN2	3.65	73		Khá	17	17	7,150,000	
292	18810710002	Trần Thu	Phương	11/09/2000	D13QTDN1	3.62	84		Giỏi	17	17	7,865,000	
293	18810710030	Nguyễn Thị	Nga	18/05/2000	D13QTDN1	3.59	84		Giỏi	17	17	7,865,000	
294	18810710034	Đoàn Thị Diệu	Linh	01/03/2000	D13QTDN1	3.53	85		Giỏi	17	17	7,865,000	
295	18810710207	Đỗ Thị	Thúy	15/08/2000	D13QTDN2	3.53	81		Giỏi	17	17	7,865,000	
296	18810710185	Nguyễn Thị Mai	Huân	17/08/2000	D13QTDN2	3.47	83		Giỏi	17	17	7,865,000	
297	18810430214	Nguyễn Trung	Hiếu	26/09/2000	D13TDH&DKTBC N2	3.78	90		Xuất sắc	27	17	9,570,000	
298	18810430029	Trần Ngọc	Thịnh	30/12/2000	D13TDH&DKTBC N2	3.71	90		Xuất sắc	17	17	9,570,000	

TT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Tên lớp học	Điểm TB tín chỉ xét HB	Điểm rèn luyện xét HB	TBC khóa học	Xếp loại nhận học bổng	Số đơn vị học trình đăng ký	Số đơn vị học trình điều kiện	Mức tiền được hưởng sinh viên (ĐVT: VNĐ)	Ký nhận
299	18810430242	Hoàng Ngọc	Son	15/04/2000	D13TDH&DKTBC N3	3.56	82		Giỏi	17	17	8,775,000	
300	18810430122	Nguyễn Hoàng	Anh	21/08/2000	D13TDH&DKTBC N2	3.56	90		Giỏi	17	17	8,775,000	
301	18810430134	Nhữ Văn	Long	30/08/2000	D13TDH&DKTBC N2	3.56	85		Giỏi	17	17	8,775,000	
302	18810430106	Nguyễn Văn	Nam	18/11/2000	D13TDH&DKTBC N3	3.5	79		Khá	17	17	7,975,000	
303	18810430192	Phí Thành	Long	31/10/2000	D13TDH&DKTBC N2	3.47	85		Giỏi	17	17	8,775,000	
304	18810430234	Nguyễn Xuân	Vũ	01/12/2000	D13TDH&DKTBC N3	3.41	83		Giỏi	17	17	8,775,000	
305	18810430156	Vũ Nhật	Long	13/03/2000	D13TDH&DKTBC N2	3.24	90		Giỏi	17	17	8,775,000	
306	18810430143	Nguyễn Đình	Long	13/10/2000	D13TDH&DKTBC N2	3.24	79		Khá	17	17	7,975,000	
307	18810430133	Nguyễn Hữu	Thành	07/06/2000	D13TDH&DKTBC N2	3.23	82		Giỏi	20	17	8,775,000	
308	18810430109	Đặng Văn	Phong	14/08/2000	D13TDH&DKTBC N3	3.15	83		Khá	17	17	7,975,000	
309	18810650001	Nguyễn Trung	Hải	01/09/2000	D13XDDD&CN	3.48	95		Giỏi	25	20	8,775,000	
310	18810640015	Nguyễn Vĩnh	Dương	06/11/2000	D13XDDD&CN	3.18	87		Khá	20	20	7,975,000	
311	18810610053	Bùi Văn	Đạt	14/04/2000	D13CKCTM	3.92	92		Xuất sắc	18	18	9,570,000	
312	18810610028	Đoàn Trung	Tín	18/11/2000	D13CKCTM	3.86	86		Giỏi	18	18	8,775,000	
313	18810610070	Hồ Văn	Tùng	22/03/1999	D13CKCTM	3.83	86		Giỏi	18	18	8,775,000	
314	18810610048	Trần Văn	Trường	15/08/2000	D13CKCTM	3.83	80		Giỏi	18	18	8,775,000	
315	18810610072	Nguyễn Văn	Dự	11/08/2000	D13CKCTM	3.83	84		Giỏi	18	18	8,775,000	
316	18819100002	Trần Xuân	Thịnh	24/04/2000	D13CNKTNL	3.11	84		Khá	19	13	7,975,000	
317	18810660052	Nguyễn Trường	Giang	23/09/2000	D13CNCTTBD	2.98	84		Khá	20	18	7,975,000	
318	18819120027	Lê Quý	Bách	28/08/2000	D13DIENLANH	3.53	98		Giỏi	18	15	8,775,000	

TT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Tên lớp học	Điểm TB tín chỉ xét HB	Điểm rèn luyện xét HB	TBC khóa học	Xếp loại nhận học bổng	Số đơn vị học trình đăng ký	Số đơn vị học trình điều kiện	Mức tiền được hưởng sinh viên (ĐVT: VNĐ)	Ký nhận
319	18819120038	Mai Ngọc	Tú	12/03/2000	D13DIENLANH	2.80	70		Khá	15	15	7,975,000	
320	18819120012	Nguyễn Hoàng	Long	28/09/2000	D13DIENLANH	2.78	86		Khá	15	15	7,975,000	
321	18810540031	Đào Thị	Nhung	08/01/2000	D13DT&KTMT	3.84	85		Giỏi	19	19	8,775,000	
322	18810540050	Nguyễn Việt	Dũng	26/04/2000	D13DT&KTMT	3.79	84		Giỏi	19	19	8,775,000	
323	18810540046	Nguyễn Công	Thường	01/01/2000	D13DT&KTMT	3.69	77		Khá	26	19	7,975,000	
324	18810540084	Bùi Tuấn	Thành	30/10/2000	D13DT&KTMT	3.53	77		Khá	19	19	7,975,000	
325	18810550041	Nguyễn Bá Việt	Tùng	16/01/2000	D13DT&ROBOT	3.68	83		Giỏi	19	19	8,775,000	
326	18810510047	Nguyễn Trung	Liêm	17/05/2000	D13DTVT	3.71	80		Giỏi	19	19	8,775,000	
327	18810510147	Trần Đăng	Hải	25/07/2000	D13DTVT	3.66	79		Khá	19	19	7,975,000	
328	18810510096	Nguyễn Đăng	Nghĩa	19/10/2000	D13DTVT	3.63	80		Giỏi	19	19	8,775,000	
329	18810510082	Vũ Văn	Diễn	07/01/2000	D13DTVT	3.63	77		Khá	19	19	7,975,000	
330	18810510087	Nguyễn Toan Phúc	Tuân	28/04/2000	D13DTVT	3.58	80		Giỏi	19	19	8,775,000	
331	18810850018	Nguyễn Thúy	Hòa	13/01/2000	D13KIEMTOAN	3.55	80		Giỏi	20	20	7,865,000	
332	18810850045	Nguyễn Thành	Long	30/04/2000	D13KIEMTOAN	3.50	80		Giỏi	22	20	7,865,000	
333	18810850002	Phạm Thị Cẩm	Yến	23/08/2000	D13KIEMTOAN	3.35	89		Giỏi	20	20	7,865,000	
334	18810830259	Trần Thị	Hương	15/07/2000	D13KT&KS	3.67	85		Giỏi	18	18	7,865,000	
335	18810830014	Trần Đình	Long	15/06/2000	D13KT&KS	3.58	91		Giỏi	18	18	7,865,000	
336	18810830068	Nguyễn Thị	Bích	12/04/2000	D13KT&KS	3.25	87		Giỏi	18	18	7,865,000	
337	18810000092	Đặng Tổ	Uyên	08/06/2000	D13KTDT	3.79	80		Giỏi	19	19	8,775,000	
338	18810000138	Bùi Hoàng	Anh	08/06/2000	D13KTDT	3.61	78		Khá	19	19	7,975,000	

TT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Tên lớp học	Điểm TB tín chỉ xét HB	Điểm rèn luyện xét HB	TBC khóa học	Xếp loại nhận học bổng	Số đơn vị học trình đăng ký	Số đơn vị học trình điều kiện	Mức tiền được hưởng sinh viên (ĐVT: VNĐ)	Ký nhận
339	18810230034	Linh Thị	Huyền	14/06/2000	D13LOGISTICS	3.81	83		Giỏi	16	16	8,775,000	
340	18810230026	Lã Quang	Ngọc	29/09/2000	D13LOGISTICS	3.63	84		Giỏi	16	16	8,775,000	
341	18810230031	Trần Thị Thanh	Vân	24/08/2000	D13LOGISTICS	3.58	84		Giỏi	20	16	8,775,000	
342	18810230043	Đỗ Thị	Phương	26/08/2000	D13LOGISTICS	3.55	85		Giỏi	20	16	8,775,000	
343	18810840013	Nguyễn Thị Như	Quỳnh	29/06/2000	D13NGANHANG	3.48	90		Giỏi	23	19	7,865,000	
344	18810840052	Nguyễn Thị	Phương	07/11/2000	D13NGANHANG	3.18	81		Khá	19	19	7,150,000	
345	18810840035	Nguyễn Thị Mai	Huyền	24/02/2000	D13NGANHANG	3.13	84		Khá	19	19	7,150,000	
346	18819110018	Nguyễn Công	Hòa	08/08/2000	D13NHIT	2.87	86		Khá	15	15	7,975,000	
347	18810220024	Nguyễn Thị Thanh	Loan	15/10/2000	D13QLCN	3.69	85		Giỏi	16	16	8,775,000	
348	18810220031	Phan Mai	Linh	26/10/2000	D13QLCN	3.50	96		Giỏi	16	16	8,775,000	
349	18810210009	Trần Thùy	Linh	02/04/2000	D13QLNL	3.60	89		Giỏi	21	18	8,775,000	
350	18810210003	Dương Thị Ngọc	Anh	01/10/2000	D13QLNL	3.42	90		Giỏi	21	18	8,775,000	
351	18810340678	Phạm Thị	Ngọc	09/10/2000	D13QTANM	4	91		Xuất sắc	16	16	9,570,000	
352	18810320696	Mai Trọng	Thuần	08/02/2000	D13QTANM	4	90		Xuất sắc	16	16	9,570,000	
353	18810320368	Nguyễn Trung	Kiên	15/07/2000	D13QTANM	3.94	75		Khá	18	16	7,975,000	
354	18810320724	Nguyễn Văn	Linh	17/09/2000	D13QTANM	3.72	84		Giỏi	16	16	8,775,000	
355	18810320413	Lưu Văn	Phương	13/03/2000	D13QTANM	3.72	83		Giỏi	16	16	8,775,000	
356	18810720140	Vũ Thị	Hà	03/11/2000	D13QTDLKS	3.81	95		Xuất sắc	16	16	8,580,000	
357	18810720186	Trịnh Khánh	Linh	08/12/2000	D13QTDLKS	3.72	73		Khá	16	16	7,150,000	
358	18810720198	Đinh Hương	Giang	11/04/2000	D13QTDLKS	3.59	90		Giỏi	16	16	7,865,000	



TT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Tên lớp học	Điểm TB tín chỉ xét HB	Điểm rèn luyện xét HB	TBC khóa học	Xếp loại nhận học bổng	Số đơn vị học trình đăng ký	Số đơn vị học trình điều kiện	Mức tiền được hưởng sinh viên (ĐVT: VNĐ)	Ký nhận
359	18810720149	Ngô Thanh	Hà	08/03/2000	D13QTDLKS	3.56	80		Giỏi	16	16	7,865,000	
360	18810720214	Bùi Thị Ngọc	Anh	03/07/2000	D13QTDLKS	3.56	82		Giỏi	16	16	7,865,000	
361	18810820023	Nguyễn Thế	Hiền	11/02/2000	D13TCDN	3.42	92		Giỏi	19	19	7,865,000	
362	18810820041	Nguyễn Xuân	Hải	27/09/2000	D13TCDN	3.39	90		Giỏi	19	19	7,865,000	
363	18810820025	Nguyễn Phương	Thào	31/01/2000	D13TCDN	3.37	84		Giỏi	19	19	7,865,000	
364	18810820087	Nguyễn Ngọc	Khánh	08/03/2000	D13TCDN	3.34	93		Giỏi	19	19	7,865,000	
365	18810820033	Nguyễn Thị Thanh	Hoa	17/09/2000	D13TCDN	3.32	73		Khá	19	19	7,150,000	
366	18810820045	Lại Thị	Hưng	30/12/2000	D13TCDN	3.32	84		Giỏi	19	19	7,865,000	
367	18810170163	Nguyễn Văn	Tuấn	20/11/2000	D13TDHHTD	3.76	78		Khá	17	17	7,975,000	
368	18810170327	Ngô Quang	Hiếu	25/08/2000	D13TDHHTD	3.68	75		Khá	17	17	7,975,000	
369	18810170286	Vũ Công	Uẩn	11/10/2000	D13TDHHTD	3.50	80		Giỏi	17	17	8,775,000	
370	18810170328	Nguyễn Hữu	Son	13/08/2000	D13TDHHTD	3.41	75		Khá	17	17	7,975,000	
371	18810170216	Nguyễn Văn	Tú	04/12/2000	D13TDHHTD	3.29	79		Khá	17	17	7,975,000	
372	18810530059	Dương Mạnh	Tuấn	21/08/2000	D13DTYT	3.63	82		Giỏi	19	19	8,775,000	
373	19810410320	Vũ Trung	Trưởng	09/11/2001	D14CNKTDK2	2.82	87		Khá	11	10	7,975,000	
374	19810410268	Thân Đức	Anh	02/06/2001	D14CNKTDK2	2.77	89		Khá	11	10	7,975,000	
375	19810410307	Nguyễn Ngọc	Tiến	01/02/2001	D14CNKTDK2	2.73	81		Khá	11	10	7,975,000	
376	19810410154	Lương Văn	Tùng	24/12/2001	D14CNKTDK1	2.64	82		Khá	11	10	7,975,000	
377	19810410310	Phạm Văn	Thành	14/11/1998	D14CNKTDK2	2.55	88		Khá	11	10	7,975,000	
378	19810410182	Đỗ Công	Công	12/10/2001	D14CNKTDK1	2.55	81		Khá	11	10	7,975,000	

TT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Tên lớp học	Điểm TB tín chỉ xét HB	Điểm rèn luyện xét HB	TBC khóa học	Xếp loại nhận học bổng	Số đơn vị học trình đăng ký	Số đơn vị học trình điều kiện	Mức tiền được hưởng sinh viên (ĐVT: VNĐ)	Ký nhận
379	19810420213	Phạm Viết	Huy	22/02/2001	D14DCN&DD1	3.44	89		Giỏi	16	16	8,775,000	
380	19810420029	Đào Hồng	Quyền	09/01/2001	D14DCN&DD1	3.31	84		Giỏi	16	16	8,775,000	
381	19810420197	Nguyễn Văn	Doanh	18/04/2001	D14DCN&DD1	3.25	88		Giỏi	16	16	8,775,000	
382	19810420079	Nguyễn Tiến	Đạt	02/11/2001	D14DCN&DD2	3.25	80		Giỏi	16	16	8,775,000	
383	19810420239	Trần Anh	Phú	22/01/2001	D14DCN&DD2	3.19	82		Khá	16	16	7,975,000	
384	19810420057	Nguyễn Mạnh	Tiến	06/01/2001	D14DCN&DD1	3.13	84		Khá	16	16	7,975,000	
385	19810420294	Lê Văn	Hải	13/08/2001	D14DCN&DD2	3.06	82		Khá	16	16	7,975,000	
386	19810420334	Nguyễn Văn	Lâm	16/03/2001	D14DCN&DD2	3	78		Khá	16	16	7,975,000	
387	19810420217	Đặng Thành	Minh	05/06/2001	D14DCN&DD1	3	81		Khá	16	16	7,975,000	
388	19810340231	Nguyễn Minh	Đức	20/9/2001	D14HTTMDT2	4	96		Xuất sắc	12	12	9,570,000	
389	19810340372	Đỗ Thị Thu	Huyền	01/11/2001	D14HTTMDT1	3.75	93		Xuất sắc	12	12	9,570,000	
390	19810340249	Nguyễn Văn	Khoa	05/01/2001	D14HTTMDT2	3.75	90		Xuất sắc	12	12	9,570,000	
391	19810340521	Ngô Thị Minh	Nguyệt	29/08/2001	D14HTTMDT1	3.67	90		Xuất sắc	12	12	9,570,000	
392	19810340422	Nguyễn Việt	Dũng	16/4/2001	D14HTTMDT2	3.63	92		Xuất sắc	12	12	9,570,000	
393	19810340546	Đỗ Hoàng	Thạch	19/10/2001	D14HTTMDT2	3.5	92		Giỏi	16	16	8,775,000	
394	19810230081	Nguyễn Văn	Hào	07/10/2001	D14LOGISTICS1	3.69	98		Xuất sắc	16	16	9,570,000	
395	19810230082	Lê Thị	Thủy	16/8/2001	D14LOGISTICS1	3.44	82		Giỏi	16	16	8,775,000	
396	19810230073	Bùi Anh	Thư	24/10/2001	D14LOGISTICS1	3.19	95		Khá	16	16	7,975,000	
397	19810230005	Nguyễn Thị	Thủy	21/03/2001	D14LOGISTICS2	3.06	77		Khá	16	16	7,975,000	
398	19810230018	Vũ Hương	Giang	21/11/2001	D14LOGISTICS2	3.00	74		Khá	16	16	7,975,000	

TT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Tên lớp học	Điểm TB tín chỉ xét HB	Điểm rèn luyện xét HB	TBC khóa học	Xếp loại nhận học bổng	Số đơn vị học trình đăng ký	Số đơn vị học trình điều kiện	Mức tiền được hưởng sinh viên (ĐVT: VNĐ)	Ký nhận
399	19810230083	Trịnh Văn	Hùng	21/10/1997	D14LOGISTICS2	2.91	78		Khá	16	16	7,975,000	
400	19810170166	Đoàn Ngọc	Bảo	19/12/2001	D14TDHHTD1	3.13	82		Khá	16	16	7,975,000	
401	19810170196	Tường Gia	Huy	15/06/2001	D14TDHHTD2	3.13	81		Khá	16	16	7,975,000	
402	19810170298	Hoàng Trung	Hiếu	04/12/2001	D14TDHHTD2	2.88	78		Khá	16	16	7,975,000	
403	19810170072	Vũ Thế	Đạt	15/05/2001	D14TDHHTD1	2.81	82		Khá	16	16	7,975,000	
404	19810170284	Hà Phúc	Lâm	18/09/2001	D14TDHHTD2	2.75	82		Khá	16	16	7,975,000	
405	19810170115	Nguyễn Đức	Duy	03/04/2001	D14TDHHTD1	2.75	86		Khá	16	16	7,975,000	
406	19810170395	Hoàng Hắc	Long	06/04/2001	D14TDHHTD2	2.74	81		Khá	16	16	7,975,000	
407	19810540193	Nguyễn Đỗ	Mạnh	20/8/2001	D14DT&KTMT	3.44	75		Khá	16	16	7,975,000	
408	19810540181	Vũ Thị	Huyền	18/11/2001	D14DT&KTMT	3.34	77		Khá	16	16	7,975,000	
409	19810420022	Nguyễn Văn	Tùng	01/08/2001	D14DT&KTMT	2.94	84		Khá	16	16	7,975,000	
410	19810510143	Trần Tuấn	Anh	08/03/2001	D14DTVT	3.31	83		Giỏi	16	16	8,775,000	
411	19810510127	Phạm Nhật	Anh	02/06/2001	D14DTVT	3.28	80		Giỏi	16	16	8,775,000	
412	19810510170	Nguyễn Văn	Thịnh	19/4/2001	D14DTVT	3.00	84		Khá	16	16	7,975,000	
413	19810510115	Bùi Duy	Hoàng	22/11/2001	D14DTVT	2.94	89		Khá	18	16	7,975,000	
414	19810000194	Nguyễn Thị	Hương	27/8/2000	D14KTDT	3.03	89		Khá	16	16	7,975,000	
415	19810000142	Nguyễn Đức	Đạt	14/06/2001	D14MVT&MT	3.19	89		Khá	16	16	7,975,000	
416	19810530122	Hoàng Thanh	Hà	23/05/2001	D14TBDTYT	3.25	81		Giỏi	16	16	8,775,000	
417	19810000072	Lại Minh	Hiếu	24/05/2001	D14TTDIEN	3.16	92		Khá	16	16	7,975,000	
418	19810610108	Lê Anh	Dũng	05/10/2001	D14CKCTM	3.33	83		Giỏi	20	17	8,775,000	

TT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Tên lớp học	Điểm TB tín chỉ xét HB	Điểm rèn luyện xét HB	TBC khóa học	Xếp loại nhận học bổng	Số đơn vị học trình đăng ký	Số đơn vị học trình điều kiện	Mức tiền được hưởng sinh viên (ĐVT: VNĐ)	Ký nhận
419	19810610058	Lê Đình	Huy	01/11/2001	D14CKCTM	2.65	90		Khá	17	17	7,975,000	
420	19810000416	Hoàng Trung	Đức	13/11/2001	D14TTNT&TGMT	3.31	91		Giỏi	13	13	8,775,000	
421	19810000426	Nguyễn Huy	Hoàng	15/05/2001	D14TTNT&TGMT	3.18	85		Khá	11	11	7,975,000	
422	19810810189	Nguyễn Thị	Hồng	04/04/2001	D14KTDN3	3.8	82		Giỏi	15	15	7,865,000	
423	19810810195	Dương Thị	Nhung	18/02/2001	D14KTDN3	3.6	82		Giỏi	15	15	7,865,000	
424	19810810200	Nguyễn Khánh	Hòa	03/10/2001	D14KTDN3	3.57	82		Giỏi	15	15	7,865,000	
425	19810810192	Kiều Thị	Thúy	28/4/2001	D14KTDN3	3.5	81		Giỏi	15	15	7,865,000	
426	19810810187	Bùi Thị	Thúy	21/02/2001	D14KTDN3	3.43	83		Giỏi	15	15	7,865,000	
427	19810810135	Phạm Thị Ngọc	Thảo	15/03/2001	D14KTDN3	3.27	81		Giỏi	15	15	7,865,000	
428	19810810190	Đặng Thị	Thảo	19/08/2001	D14KTDN3	3.17	79		Khá	15	15	7,150,000	
429	19810810139	Bùi Nguyệt	Nga	02/04/2001	D14KTDN3	3.1	82		Khá	15	15	7,150,000	
430	19810810113	Nguyễn Như	Quỳnh	19/10/2001	D14KTDN3	3.03	88		Khá	15	15	7,150,000	
431	19810810178	Trần Hoàng Ánh	Linh	06/02/2001	D14KTDN2	2.97	86		Khá	15	15	7,150,000	
432	19810810154	Khổng Thị	Hiền	24/05/2001	D14KTDN3	2.97	80		Khá	15	15	7,150,000	
433	19810810020	Triệu Hồng	Nhung	23/01/2001	D14KTDN1	2.93	84		Khá	15	15	7,150,000	
434	19810810130	Đỗ Thu	Huyền	15/03/2001	D14KTDN3	2.93	80		Khá	15	15	7,150,000	
435	19810810075	Nguyễn Thị Ngọc	Bích	26/11/2001	D14KTDN2	2.9	83		Khá	15	15	7,150,000	
436	19810810061	Vũ Thị Thùy	Dung	29/03/2001	D14KTDN2	2.9	93		Khá	15	15	7,150,000	
437	19810810144	Hoàng Ngọc	Mai	27/2/2001	D14KTDN3	2.87	82		Khá	15	15	7,150,000	
438	19810840008	Trần Thị Ngọc	Ánh	05/12/2001	D14NGANHANG	2.88	79		Khá	17	17	7,150,000	

TT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Tên lớp học	Điểm TB tín chỉ xét HB	Điểm rèn luyện xét HB	TBC khóa học	Xếp loại nhận học bổng	Số đơn vị học trình đăng ký	Số đơn vị học trình điều kiện	Mức tiền được hưởng sinh viên (ĐVT: VNĐ)	Ký nhận
439	19810840073	Bùi Út	My	19/6/2001	D14NGANHANG	2.56	90		Khá	17	17	7,150,000	
440	19810840010	Nguyễn Ánh	Nguyệt	04/09/2001	D14NGANHANG	2.68	85		Khá	17	17	7,150,000	
441	19810840025	Nguyễn Cao Trung	Hiếu	03/04/2001	D14NGANHANG	2.5	87		Khá	17	17	7,150,000	
442	19810720140	Vũ Thị	Thoảng	09/07/2000	D14QTDLKS2	3.53	87		Giỏi	15	15	7,865,000	
443	19810720139	Nguyễn Thị	Mai	04/06/2001	D14QTDLKS2	3.5	86		Giỏi	15	15	7,865,000	
444	19810720205	Hoàng Thị	Loan	22/10/2001	D14QTDLKS2	3.27	83		Giỏi	15	15	7,865,000	
445	19810720106	Trương Long	Vũ	25/03/2001	D14QTDLKS1	3	76		Khá	15	15	7,150,000	
446	19810710266	Nguyễn Thị Minh	Châu	01/02/2001	D14QTDLKS2	3	84		Khá	15	15	7,150,000	
447	19810720199	Ngô Thị	Liên	07/08/2001	D14QTDLKS2	3	76		Khá	15	15	7,150,000	
448	19810720238	Hà Thị Mỹ	Duyên	08/02/2000	D14QTDLKS2	2.93	85		Khá	15	15	7,150,000	
449	19810720231	Vũ Thị	Dinh	22/02/2001	D14QTDLKS2	2.87	87		Khá	15	15	7,150,000	
450	19810720293	Vũ Quỳnh	Mai	10/09/2001	D14QTDLKS2	2.8	77		Khá	15	15	7,150,000	
451	19810720183	Lại Thị	Vui	18/07/2001	D14QTDLKS2	2.73	76		Khá	15	15	7,150,000	
452	19810830065	Lê Thị Quỳnh	Anh	22/4/2001	D14KT&KS	3.63	90		Xuất sắc	15	15	8,580,000	
453	19810710095	Vương Mạc	Linh	24/01/2001	D14QTDN1	3.67	87		Giỏi	15	15	7,865,000	
454	19810710070	Bùi Thị Hồng	Ngọc	02/09/2001	D14QTDN1	3.37	87		Giỏi	15	15	7,865,000	
455	19810710198	Nguyễn Thị Tuyết	Mai	07/03/2001	D14QTDN3	3.37	80		Giỏi	15	15	7,865,000	
456	19810710001	Lê Thị	Ánh	29/06/2001	CLC.D14QTDN	3.28	75		Khá	15	15	7,150,000	
457	19810710012	Lê Thị	Tới	11/01/1998	D14QTDN1	3.27	90		Giỏi	15	15	7,865,000	
458	19810710137	Trần Khánh	Chi	26/08/2001	D14QTDN2	3.17	89		Khá	15	15	7,150,000	

TT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Tên lớp học	Điểm TB tín chỉ xét HB	Điểm rèn luyện xét HB	TBC khóa học	Xếp loại nhận học bổng	Số đơn vị học trình đăng ký	Số đơn vị học trình điều kiện	Mức tiền được hưởng sinh viên (ĐVT: VNĐ)	Ký nhận
459	19810710010	Nguyễn Phương	Anh	17/06/2001	CLC.D14QTDN	2.97	90		Khá	15	15	7,150,000	
460	19810710241	Đỗ Ngọc	Anh	07/07/2001	D14QTDN3	2.93	83		Khá	15	15	7,150,000	
461	19810710278	Ninh Quang	Tuấn	08/08/1999	D14QTDN1	2.9	91		Khá	15	15	7,150,000	
462	19810710057	Nguyễn Thị	Cải	21/02/2001	D14QTDN1	2.83	85		Khá	15	15	7,150,000	
463	19810710270	Nguyễn Thị Thu	Hương	17/02/2001	D14QTDN1	2.8	85		Khá	15	15	7,150,000	
464	19810710029	Nguyễn Thị	Tuyết	04/04/2001	D14QTDN1	2.77	92		Khá	15	15	7,150,000	
465	19810820076	Kiều Thị Yên	Phượng	01/12/2001	D14TCDN	3.21	77		Khá	17	17	7,150,000	
466	19810820052	Phượng Thị Ngọc	Ánh	02/11/2001	D14TCDN	3.09	87		Khá	17	17	7,150,000	
467	19810820077	Nguyễn Thị	Hường	16/9/2001	D14TCDN	2.88	83		Khá	17	17	7,150,000	
468	19810850013	Nguyễn Khánh	Nhươn α	21/06/2001	D14KIEMTOAN	3	85		Khá	15	15	7,150,000	
469	19810320258	Nguyễn Văn	Vinh	30/05/2001	D14QTANM1	3.56	75		Khá	9	9	7,975,000	
470	19810320121	Trương Văn	Đức	11/09/2001	D14QTANM1	3.56	75		Khá	9	9	7,975,000	
471	19810320375	Nguyễn Văn	Hoan	03/11/2001	D14QTANM1	3.33	70		Khá	9	9	7,975,000	
472	19810320244	Lê Văn	Cường	20/05/2001	D14QTANM1	3.22	70		Khá	9	9	7,975,000	
473	19810320673	Hà Mai	Lan	24/08/2001	D14QTANM2	3.08	95		Khá	12	9	7,975,000	
474	19810320259	Nguyễn Trọng	Thanh	28/10/2001	D14QTANM1	2.89	70		Khá	9	9	7,975,000	
475	19810320636	Lê Minh Trung	Hiếu	21/7/2001	D14QTANM2	2.88	78		Khá	13	9	7,975,000	
476	19810430324	Nguyễn Trung	Hiếu	09/07/2001	D14TDH&DKTBC N1	3.14	85		Khá	11	11	7,975,000	
477	19810430251	Nguyễn Văn	Hiệu	03/04/2001	D14TDH&DKTBC N3	3.09	86		Khá	11	11	7,975,000	
478	19810430080	Chu Đình	Ninh	27/01/2001	D14TDH&DKTBC N1	2.95	82		Khá	11	11	7,975,000	

TT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Tên lớp học	Điểm TB tín chỉ xét HB	Điểm rèn luyện xét HB	TBC khóa học	Xếp loại nhận học bổng	Số đơn vị học trình đăng ký	Số đơn vị học trình điều kiện	Mức tiền được hưởng sinh viên (ĐVT: VNĐ)	Ký nhận
479	19810430065	Trần Văn	Tuấn	26/10/2001	D14TDH&DKTBC N1	2.95	84		Khá	11	11	7,975,000	
480	19810430074	Dương Văn	Son	16/03/2001	D14TDH&DKTBC N1	2.82	86		Khá	11	11	7,975,000	
481	19810430327	Nguyễn Quang	Hoàn	10/04/2001	D14TDH&DKTBC N1	2.73	84		Khá	11	11	7,975,000	
482	19810430360	Nguyễn Ngọc	Hoàn	14/04/2001	D14TDH&DKTBC N1	2.64	84		Khá	11	11	7,975,000	
483	19810620053	Lê Thị Lan	Anh	23/09/1999	D14CODY	3.5	90		Giỏi	15	15	8,775,000	
484	19810620001	Nguyễn Công	Minh	28/07/2001	D14CODY	3.13	92		Khá	15	15	7,975,000	
485	19810620054	Vũ Thái	Trường	12/10/2001	D14CODY	3.07	83		Khá	15	15	7,975,000	
486	19810620004	Nguyễn Văn	Du	16/08/2001	D14CODY	3	86		Khá	17	15	7,975,000	
487	19810620021	Phạm Phúc	Bằng	23/10/2001	D14CODY	3	81		Khá	17	15	7,975,000	
488	19810000108	Phan Thị Hà	Trúc	17/10/2001	D14NLTT	2.67	93		Khá	12	12	7,975,000	
489	19819120011	Trần Viết	Minh	19/02/2001	D14DIENLANH	2.71	83		Khá	14	14	7,975,000	
490	19819120129	Phan Văn	Trường	07/01/2001	D14DIENLANH	2.69	86		Khá	16	14	7,975,000	
491	19819120120	Đặng Long	Vũ	21/10/2001	D14DIENLANH	2.64	92		Khá	14	14	7,975,000	
492	19819120146	Trương Minh	Thắng	14/10/2001	D14DIENLANH	2.57	88		Khá	14	14	7,975,000	
493	19819110008	Lương Thùy	Liên	13/03/2001	D14NHIET	2.71	92		Khá	14	14	7,975,000	
494	19810110199	Nguyễn Đình	Hiếu	29/10/2001	D14H2	3.68	88		Giỏi	19	19	8,775,000	
495	19810110179	Ngô Long	Toàn	04/12/2000	D14H2	3.68	82		Giỏi	19	19	8,775,000	
496	19810420346	Nguyễn Trọng	Son	09/07/2001	D14H3	3.53	82		Giỏi	19	19	8,775,000	
497	19810110014	Từ Văn	Tinh	17/09/2001	D14H1	3.47	94		Giỏi	19	19	8,775,000	
498	19810110190	Nguyễn Tất	Đạt	27/04/2001	D14H2	3.37	87		Giỏi	19	19	8,775,000	

TT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Tên lớp học	Điểm TB tín chỉ xét HB	Điểm rèn luyện xét HB	TBC khóa học	Xếp loại nhận học bổng	Số đơn vị học trình đăng ký	Số đơn vị học trình điều kiện	Mức tiền được hưởng sinh viên (ĐVT: VNĐ)	Ký nhận
499	19810110258	Chu Mạnh	Phóng	07/08/2001	D14H3	3.37	85		Giỏi	19	19	8,775,000	
500	19810110206	Lò Đức	Cường	09/10/1998	D14H2	3.32	85		Giỏi	19	19	8,775,000	
501	19810110123	Nguyễn Hữu Việt	Hoàng	16/4/2001	D14H2	3.32	87		Giỏi	19	19	8,775,000	
502	19810110391	Trần Xuân	Son	03/02/2001	D14H3	3.32	85		Giỏi	19	19	8,775,000	
503	19810110189	Nguyễn Lương Hoàng	Anh	21/12/2001	D14H2	3.29	89		Giỏi	19	19	8,775,000	
504	19810110081	Lê Thu	Trà	30/10/2001	D14H1	3.26	83		Giỏi	19	19	8,775,000	
505	19810110058	Nguyễn Khắc	Tuân	28/11/2001	D14H1	3.21	83		Giỏi	19	19	8,775,000	
506	19810110025	Hồ Viết	Lộc	16/9/2001	D14H1	3	91		Khá	19	19	7,975,000	
507	19810110031	Trần Đức	Huy	01/02/2001	D14H1	3	81		Khá	19	19	7,975,000	
508	19810110267	Nguyễn Văn	Mạnh	03/10/2001	D14H3	2.99	83		Khá	19	19	7,975,000	
509	19810110362	Trần Mạnh	Tiến	12/12/2000	D14H1	2.95	80		Khá	19	19	7,975,000	
510	19810110121	Lê Đức	Anh	05/05/2001	D14H2	2.95	88		Khá	19	19	7,975,000	
511	19810310172	Hoàng Thị	Phương	08/10/2001	D14CNPM3	3.92	83		Giỏi	12	12	8,775,000	
512	19810310638	Phạm Quang	Minh	07/08/2001	D14CNPM8	3.83	82		Giỏi	12	12	8,775,000	
513	19810310447	Nguyễn Quang	Cường	17/09/2001	D14CNPM6	3.83	93		Xuất sắc	12	12	9,570,000	
514	19810310535	Nguyễn Trường	Anh	10/11/2001	D14CNPM7	3.83	90		Xuất sắc	12	12	9,570,000	
515	19810310151	Nguyễn Xuân	Thành	08/09/2001	D14CNPM3	3.83	84		Giỏi	12	12	8,775,000	
516	19810310532	Nguyễn Duy	Đạt	05/03/2001	D14CNPM7	3.83	92		Xuất sắc	12	12	9,570,000	
517	19810310235	Phạm Văn	Minh	09/08/2001	D14CNPM4	3.83	86		Giỏi	12	12	8,775,000	
518	19810310533	Nguyễn Văn	Đông	13/9/2001	D14CNPM7	3.83	86		Giỏi	12	12	8,775,000	

TT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Tên lớp học	Điểm TB tín chỉ xét HB	Điểm rèn luyện xét HB	TBC khóa học	Xếp loại nhận học bổng	Số đơn vị học trình đăng ký	Số đơn vị học trình điều kiện	Mức tiền được hưởng sinh viên (ĐVT: VNĐ)	Ký nhận
519	19810310556	Nguyễn Minh	Đức	24/04/2001	D14CNPM7	3.83	90		Xuất sắc	12	12	9,570,000	
520	19810310028	Vương Tuấn	Anh	16/05/2001	D14CNPM1	3.75	84		Giỏi	12	12	8,775,000	
521	19810310031	Nguyễn Trung	Kiên	12/10/2001	D14CNPM1	3.75	84		Giỏi	12	12	8,775,000	
522	19810310391	Trần Huy	Hậu	20/07/2001	D14CNPM6	3.75	93		Xuất sắc	12	12	9,570,000	
523	19810310223	Đỗ Thị Bích	Ngọc	30/08/2001	D14CNPM4	3.75	84		Giỏi	12	12	8,775,000	
524	19810310616	Vũ Nhật	Minh	11/12/2001	D14CNPM8	3.75	75		Khá	12	12	7,975,000	
525	19810310219	Nguyễn Văn	Trưởng	24/07/2001	D14CNPM4	3.75	81		Giỏi	12	12	8,775,000	
526	19810310611	Nguyễn Thành	Đạt	06/07/1999	D14CNPM8	3.75	83		Giỏi	12	12	8,775,000	
527	19810310082	Lê Tuấn	Dũng	13/08/2001	D14CNPM2	3.75	72		Khá	12	12	7,975,000	
528	19810310261	Nguyễn Đình	Sang	17/09/2001	D14CNPM4	3.75	83		Giỏi	12	12	8,775,000	
529	19810310476	Nguyễn Thị Thuý	Linh	26/11/2001	D14CNPM6	3.75	93		Xuất sắc	12	12	9,570,000	
530	19810310459	Lê Thị Thùy	Dương	15/04/2001	D14CNPM6	3.75	84		Giỏi	12	12	8,775,000	
531	19810310068	Hoàng Anh	Đức	03/11/2001	D14CNPM2	3.75	77		Khá	12	12	7,975,000	
532	19810310367	Nguyễn Kiều Đào	Quang	02/12/2001	D14CNPM4	3.75	83		Giỏi	12	12	8,775,000	
533	19810310105	Chữ Anh	Tiến	20/07/2001	D14CNPM2	3.75	77		Khá	12	12	7,975,000	
534	19810310500	Nguyễn Đình	Đoàn	22/06/2001	D14CNPM7	3.71	84		Giỏi	12	12	8,775,000	
535	19810310054	Nguyễn Duy	Long	05/09/2001	D14CNPM1	3.67	90		Xuất sắc	12	12	9,570,000	
536	19810310568	Nguyễn Anh	Phúc	28/01/2001	D14CNPM7	3.67	90		Xuất sắc	12	12	9,570,000	
537	19810310582	Nguyễn Ngọc	Duy	19/01/2001	D14CNPM8	3.67	86		Giỏi	12	12	8,775,000	
538	19810310482	Nguyễn Đức Thành	An	15/09/2001	D14CNPM7	3.67	86		Giỏi	12	12	8,775,000	

TT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Tên lớp học	Điểm TB tín chỉ xét HB	Điểm rèn luyện xét HB	TBC khóa học	Xếp loại nhận học bổng	Số đơn vị học trình đăng ký	Số đơn vị học trình điều kiện	Mức tiền được hưởng sinh viên (ĐVT: VNĐ)	Ký nhận
539	19810310596	Nguyễn Minh	Quân	28/12/2001	D14CNPM8	3.67	85		Giỏi	12	12	8,775,000	
540	19810310158	Vương Văn	Linh	18/01/2001	D14CNPM3	3.67	85		Giỏi	12	12	8,775,000	
541	19810310018	Nguyễn Văn	Sang	30/05/2001	D14CNPM1	3.67	84		Giỏi	12	12	8,775,000	
542	19810310185	Ngô Văn	Huy	09/07/2001	D14CNPM3	3.67	84		Giỏi	12	12	8,775,000	
543	19810310040	Nguyễn Thị	Tinh	17/09/2001	D14CNPM1	3.67	84		Giỏi	12	12	8,775,000	
544	19810310202	Hoàng Nghĩa	Trung	08/12/2001	D14CNPM3	3.67	84		Giỏi	12	12	8,775,000	
545	19810310017	Đỗ Phương	Anh	26/09/2001	D14CNPM1	3.67	84		Giỏi	12	12	8,775,000	
546	19810310360	Hoàng Hồng	Ngọc	23/02/2001	D14CNPM3	3.67	84		Giỏi	12	12	8,775,000	
547	19810000141	Thiều Ngọc	Son	22/01/2001	D14CKOTO	2.68	84		Khá	17	15	7,975,000	
548	19810610028	Nguyễn Văn	Dũng	20/10/2001	D14CKOTO	2.67	81		Khá	15	15	7,975,000	
549	19810000062	Hoàng Đình	Quang	20/02/2001	D14CKOTO	2.53	80		Khá	15	15	7,975,000	
550	20810620035	Nguyễn Xuân	Nam	01/12/2002	D15CODT2	3.68	82		Giỏi	19	19	8,775,000	
551	20810620054	Lê Hồng	Phi	19/10/2002	D15CODT1	3.58	83		Giỏi	19	19	8,775,000	
552	20810620124	Nguyễn Văn	Quý	24/11/2001	D15CODT2	3.32	83		Giỏi	19	19	8,775,000	
553	20810620087	Lê Đình	Hưng	17/10/2002	D15CODT2	3.08	93		Khá	19	19	7,975,000	
554	20810620118	Đặng Phú	Cường	10/12/2002	D15CODT2	2.92	76		Khá	19	19	7,975,000	
555	20810620096	Nguyễn Đình	Duy	20/11/2002	D15CODT2	2.84	83		Khá	19	19	7,975,000	
556	20810620044	Nguyễn Văn	Long	29/03/2002	D15CODT1	2.79	83		Khá	19	19	7,975,000	
557	20810620066	Nghiêm Đức	Thắng	27/11/2002	D15CODT1	2.76	82		Khá	19	19	7,975,000	
558	20810620101	Nguyễn Đăng	Nghĩa	11/06/2002	D15CODT2	2.74	82		Khá	19	19	7,975,000	

TT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Tên lớp học	Điểm TB tín chỉ xét HB	Điểm rèn luyện xét HB	TBC khóa học	Xếp loại nhận học bổng	Số đơn vị học trình đăng ký	Số đơn vị học trình điều kiện	Mức tiền được hưởng sinh viên (ĐVT: VNĐ)	Ký nhận
559	20810620122	Nguyễn Trung	Khang	02/02/2002	D15CODY2	2.68	94		Khá	19	19	7,975,000	
560	20810620139	Trần Quốc	Triệu	12/02/1997	D15CODY3	2.68	76		Khá	19	19	7,975,000	
561	20810620075	Nguyễn Trọng	Mạnh	27/09/2002	D15CODY1	2.66	85		Khá	19	19	7,975,000	
562	20810620092	Hoàng Văn	Mạnh	08/11/2002	D15CODY2	2.66	79		Khá	19	19	7,975,000	
563	20810000237	Lê Thanh	Hải	23/05/2001	D15CKOTO2	3.58	84		Giỏi	19	19	8,775,000	
564	20810610026	Nguyễn Ngọc	Hương	02/08/2002	D15CKCTM	3.16	84		Khá	19	19	7,975,000	
565	20810000080	Đàm Công	Ý	09/03/2002	D15CKCTM	3.11	83		Khá	19	19	7,975,000	
566	20810610265	Nguyễn Anh	Đức	11/07/2002	D15CKOTO1	3.05	85		Khá	19	19	7,975,000	
567	20810610242	Hoàng Văn	Huy	22/07/2002	D15CKCTM	3.05	87		Khá	19	19	7,975,000	
568	20810000241	Lưu Văn	Hùng	10/02/2002	D15CKCTM	2.89	84		Khá	19	19	7,975,000	
569	20810610035	Phùng Tiến	Dũng	23/12/2002	D15CKOTO1	2.84	87		Khá	19	19	7,975,000	
570	20810610009	Hoàng Minh	Hiếu	10/05/2001	D15CKCTM	2.74	84		Khá	19	19	7,975,000	
571	20810610259	Nguyễn Bá Phương	Nam	25/12/2002	D15CKOTO1	2.74	90		Khá	19	19	7,975,000	
572	20810000227	Nguyễn Tiến	Dũng	07/11/2002	D15CKCTM	2.71	84		Khá	19	19	7,975,000	
573	20810630020	Đỗ Minh	Quang	28/03/2002	D15XDDD&CN	2.82	85		Khá	19	19	7,975,000	
574	20810630075	Nguyễn Văn	Nam	11/06/2002	D15XDDD&CN	2.68	85		Khá	19	19	7,975,000	
575	20810540044	Trần Thị	Thảo	17/11/1996	D15DTVT	3.73	81		Giỏi	11	11	8,775,000	
576	20810000254	Phạm Quang	Sự	06/01/2002	D15DTVT	3.50	78		Khá	11	11	7,975,000	
577	20810510100	Trương Duy	Hải	28/01/1994	D15DT&KTMT	3.32	81		Giỏi	11	11	8,775,000	
578	20810510088	Đinh Quang	Hà	20/01/2002	D15DTVT	3.23	75		Khá	11	11	7,975,000	

TT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Tên lớp học	Điểm TB tín chỉ xét HB	Điểm rèn luyện xét HB	TBC khóa học	Xếp loại nhận học bổng	Số đơn vị học trình đăng ký	Số đơn vị học trình điều kiện	Mức tiền được hưởng sinh viên (ĐVT: VNĐ)	Ký nhận
579	20810000297	Trần Quốc	Thái	11/08/2002	D15TBDTYT	3.14	76		Khá	11	11	7,975,000	
580	20810540015	Nguyễn Thành	Công	21/4/2000	D15DT&KTMT	3.09	81		Khá	11	11	7,975,000	
581	20810000276	Nguyễn Việt	Hoàng	15/05/2002	D15MVT&MT	3.09	80		Khá	11	11	7,975,000	
582	20810000318	Nguyễn Văn	Quý	10/08/2001	D15DTVT	3.09	76		Khá	11	11	7,975,000	
583	20810510013	Nguyễn Hồng	Đăng	11/11/2002	D15DTVT	3.05	86		Khá	11	11	7,975,000	
584	20810510078	Trần Hoàng	Đạt	29/07/2002	D15DTVT	3.05	86		Khá	11	11	7,975,000	
585	20810540058	Nguyễn Thị Mai	Phương	09/06/2002	D15DTVT	3.05	78		Khá	11	11	7,975,000	
586	20810510085	Nguyễn Anh	Minh	18/5/2000	D15TBDTYT	3.00	83		Khá	11	11	7,975,000	
587	20810540029	Phan Trường	Giang	22/7/2002	D15KTDT	3.00	73		Khá	11	11	7,975,000	
588	20810540021	Nguyễn Thị	Hoa	21/12/2002	D15DTVT	3.00	77		Khá	11	11	7,975,000	
589	20810510060	Phạm Thùy	Trang	11/07/2002	D15KTDT	2.95	89		Khá	11	11	7,975,000	
590	20810160507	Nguyễn Xuân	Chúc	11/06/2002	D15H2	3.86	90		Xuất sắc	11	11	9,570,000	
591	20810170327	Nguyễn Hàn Sinh	Long	02/05/2002	D15H6	3.86	91		Xuất sắc	11	11	9,570,000	
592	20810160531	Đỗ Trung	Hiếu	23/06/2002	D15H6	3.64	90		Xuất sắc	11	11	9,570,000	
593	20810160505	Kim Ngọc	Bảo	08/11/2002	D15H2	3.64	84		Giỏi	11	11	8,775,000	
594	20810160520	Hồ Thị Hương	Giang	25/03/2002	D15H6	3.64	84		Giỏi	11	11	8,775,000	
595	20810160548	Vũ Ngọc	Huy	09/09/2002	D15DCN&DD1	3.64	82		Giỏi	11	11	8,775,000	
596	20810170361	Lê Văn	Điền	08/11/2001	D15TDHHTD1	3.55	80		Giỏi	11	11	8,775,000	
597	20810160500	Đỗ Đức	Khánh	16/03/2002	D15DCN&DD2	3.45	84		Giỏi	11	11	8,775,000	
598	20810110281	Đỗ Thị	Thương	18/11/2002	D15H3	3.45	85		Giỏi	11	11	8,775,000	

TT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Tên lớp học	Điểm TB tín chỉ xét HB	Điểm rèn luyện xét HB	TBC khóa học	Xếp loại nhận học bổng	Số đơn vị học trình đăng ký	Số đơn vị học trình điều kiện	Mức tiền được hưởng sinh viên (ĐVT: VNĐ)	Ký nhận
599	20810110225	Nguyễn Như	Nam	10/09/2002	D15DCN&DD1	3.41	83		Giỏi	11	11	8,775,000	
600	20810170318	Vũ Quang	Huy	09/04/2002	D15TDHHTD1	3.36	80		Giỏi	11	11	8,775,000	
601	20810170337	Ngô Ngọc	Triều	23/03/2002	D15TDHHTD2	3.36	83		Giỏi	11	11	8,775,000	
602	20810160538	Nguyễn Công	Hưng	04/05/2002	D15DCN&DD2	3.36	84		Giỏi	11	11	8,775,000	
603	20810170353	Nguyễn Đình	Hoàng	26/07/2002	D15H6	3.36	83		Giỏi	11	11	8,775,000	
604	20810110283	Nguyễn Đức	Anh	22/05/2002	D15H3	3.32	82		Giỏi	11	11	8,775,000	
605	20810420107	Hoàng Tiến	Mạnh	22/04/2002	D15H5	3.32	86		Giỏi	11	11	8,775,000	
606	20810110124	Hoàng Quốc	Kỳ	07/03/2002	D15H1	3.32	85		Giỏi	11	11	8,775,000	
607	20810110170	Thái Xuân	Việt	29/5/2002	D15H1	3.32	85		Giỏi	11	11	8,775,000	
608	20810110284	Nguyễn Thanh	Long	16/02/2002	D15H3	3.32	82		Giỏi	11	11	8,775,000	
609	20810160491	Đào Khánh	Duy	02/03/2002	D15H5	3.27	84		Giỏi	11	11	8,775,000	
610	20810420077	Cao Anh	Minh	18/5/1997	D15DCN&DD1	3.27	76		Khá	11	11	7,975,000	
611	20810110200	Phạm Tùng	Anh	19/09/2002	D15H2	3.27	81		Giỏi	11	11	8,775,000	
612	20810420002	Nguyễn Tuấn	Anh	13/10/2002	D15H4	3.27	90		Giỏi	11	11	8,775,000	
613	20810110265	Lê Đình	Phương	27/12/2002	D15H3	3.27	85		Giỏi	11	11	8,775,000	
614	20810170356	Nguyễn Minh	Hiếu	05/05/2002	D15H6	3.27	84		Giỏi	11	11	8,775,000	
615	20810160455	Lưu Hữu	Huy	12/08/2002	D15DCN&DD2	3.23	80		Giỏi	11	11	8,775,000	
616	20810420115	Hoàng Đức	Trọng	13/01/2001	D15DCN&DD1	3.23	86		Giỏi	11	11	8,775,000	
617	20810420068	Mai Quang	Vũ	26/11/2002	D15DCN&DD1	3.23	72		Khá	11	11	7,975,000	
618	20810420004	Nguyễn Duy	Khánh	27/6/2002	D15H4	3.18	81		Khá	11	11	7,975,000	

TT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Tên lớp học	Điểm TB tín chỉ xét HB	Điểm rèn luyện xét HB	TBC khóa học	Xếp loại nhận học bổng	Số đơn vị học trình đăng ký	Số đơn vị học trình điều kiện	Mức tiền được hưởng sinh viên (ĐVT: VNĐ)	Ký nhận
619	20810420039	Phạm Bùi Quỳnh	Anh	28/6/2002	D15H4	3.18	93		Khá	11	11	7,975,000	
620	20810160461	Nguyễn Đức	Việt	04/02/2002	D15H6	3.18	81		Khá	11	11	7,975,000	
621	20810110177	Đỗ Quốc	Oai	26/12/2002	D15DCN&DD1	3.18	88		Khá	11	11	7,975,000	
622	20810170408	Phan Thanh	Lâm	15/06/2002	D15DCN&DD2	3.18	74		Khá	11	11	7,975,000	
623	20810170326	Nguyễn Văn Hùng	Mạnh	02/07/2002	D15H6	3.18	83		Khá	11	11	7,975,000	
624	20810160493	Hoàng Mạnh	Quỳnh	11/01/2002	D15DCN&DD2	3.18	84		Khá	11	11	7,975,000	
625	20810160495	Nguyễn Hồ Hải	Nam	21/06/2002	D15DCN&DD2	3.18	84		Khá	11	11	7,975,000	
626	20810110175	Ngô Văn	Duy	13/3/2002	D15H1	3.14	81		Khá	11	11	7,975,000	
627	20810160469	Nguyễn Hoàng	Phúc	27/11/2002	D15H2	3.14	81		Khá	11	11	7,975,000	
628	20810160532	Vũ Chiến	Thắng	30/04/2002	D15H2	3.09	84		Khá	11	11	7,975,000	
629	20810110162	Trịnh Duy Anh	Tuấn	09/10/2002	D15H1	3.09	82		Khá	11	11	7,975,000	
630	20810420113	Lê Tiến	Đức	11/12/2002	D15H5	3.09	81		Khá	11	11	7,975,000	
631	20810420109	Đỗ Minh	Phương	22/08/2002	D15H5	3.09	80		Khá	11	11	7,975,000	
632	20810110227	Trần Thanh	Nga	11/04/2002	D15H2	3.05	91		Khá	11	11	7,975,000	
633	20810430394	Trần Quốc	Thuận	01/02/2001	D15CNKTDK	3.55	72		Khá	11	11	7,975,000	
634	20810410119	Nguyễn Văn	Ninh	07/03/2002	D15TDH&DKTBCN	3.55	84		Giỏi	11	11	8,775,000	
635	20810430382	Lê Đình	Anh	05/05/2002	D15TDH&DKTBCN	3.55	80		Giỏi	11	11	8,775,000	
636	20810430365	Chu Đình	Chiều	26/03/2002	D15TDH&DKTBCN	3.50	81		Giỏi	11	11	8,775,000	
637	20810430418	Nguyễn Đình	Tuyển	16/08/2002	D15TDH&DKTBCN	3.50	77		Khá	11	11	7,975,000	
638	20810430167	Đặng Thái	Anh	13/04/2002	D15THDK&TDH	3.45	82		Giỏi	11	11	8,775,000	

TT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Tên lớp học	Điểm TB tính chỉ xét HB	Điểm rèn luyện xét HB	TBC khóa học	Xếp loại nhận học bổng	Số đơn vị học trình đăng ký	Số đơn vị học trình điều kiện	Mức tiền được hưởng sinh viên (ĐVT: VNĐ)	Ký nhận
639	20810430320	Nguyễn Văn	Nam	08/06/2001	D15TDH&DKTBCN	3.45	82		Giỏi	11	11	8,775,000	
640	20810430302	Hoàng Việt	Hải	20/06/2002	D15TDH&DKTBCN	3.41	85		Giỏi	11	11	8,775,000	
641	20810430303	Đào Trọng	Đạt	28/12/2002	D15TDH&DKTBCN	3.41	91		Giỏi	11	11	8,775,000	
642	20810430401	Vũ Trí	Đông	15/03/2002	D15THDK&TDH	3.36	71		Khá	11	11	7,975,000	
643	20810410071	Hoàng Xuân	Tâm	23/10/2001	D15CNKTDK	3.36	85		Giỏi	11	11	8,775,000	
644	20810430297	Phạm Văn	Đức	21/08/2002	D15TDH&DKTBCN	3.36	82		Giỏi	11	11	8,775,000	
645	20810410094	Nguyễn Quang	Linh	08/09/2002	D15TDH&DKTBCN	3.36	84		Giỏi	11	11	8,775,000	
646	20810410092	Đỗ Trung	Kiên	04/08/2002	D15CNKTDK	3.27	84		Giỏi	11	11	8,775,000	
647	20810430121	Phạm Tuấn	Anh	10/11/1998	D15TDH&DKTBCN	3.27	83		Giỏi	11	11	8,775,000	
648	20810410085	Nguyễn Tiến	Huy	01/12/2002	D15TDH&DKTBCN	3.27	84		Giỏi	11	11	8,775,000	
649	20810410065	Lê Đăng	Quân	06/03/2002	D15TDH&DKTBCN	3.27	84		Giỏi	11	11	8,775,000	
650	20810430367	Trịnh Quốc	Khánh	09/02/2001	D15CNKTDK	3.23	85		Giỏi	11	11	8,775,000	
651	20810430340	Trần Thế	Dương	25/01/2002	D15TDH&DKTBCN	3.23	80		Giỏi	11	11	8,775,000	
652	20810430375	Nguyễn Đình	Hiếu	28/01/2002	D15TDH&DKTBCN	3.18	86		Khá	11	11	7,975,000	
653	20810410074	Nguyễn Văn	Lợi	01/03/2002	D15THDK&TDH	3.18	82		Khá	11	11	7,975,000	
654	20810430362	Vũ Nhật	Linh	12/04/2002	D15TDH&DKTBCN	3.18	80		Khá	11	11	7,975,000	
655	20810430214	Nguyễn Phi	Long	01/10/2002	D15CNKTDK	3.18	83		Khá	11	11	7,975,000	
656	20810430317	Đỗ Tráng	Đức	15/09/2002	D15TDH&DKTBCN	3.14	82		Khá	11	11	7,975,000	
657	20810410098	Lại Đức	Đại	21/01/2002	D15TDH&DKTBCN	3.14	84		Khá	11	11	7,975,000	
658	20810430134	Hoàng Thúy	Hường	01/08/2002	D15TDH&DKTBCN	3.14	82		Khá	11	11	7,975,000	

TT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Tên lớp học	Điểm TB tín chỉ xét HB	Điểm rèn luyện xét HB	TBC khóa học	Xếp loại nhận học bổng	Số đơn vị học trình đăng ký	Số đơn vị học trình điều kiện	Mức tiền được hưởng sinh viên (ĐVT: VNĐ)	Ký nhận
659	20810430222	Nguyễn Minh	Quân	21/02/2002	D15TDH&DKTBCN	3.09	80		Khá	11	11	7,975,000	
660	20810430294	Trần Hoàng	Anh	20/10/2002	D15CNKTDK	3.09	81		Khá	11	11	7,975,000	
661	20810430321	Đào Đức	Trung	04/10/1997	D15CNKTDK	3.05	78		Khá	11	11	7,975,000	
662	20810430384	Nguyễn Phi	Trường	20/09/2001	D15CNKTDK	3.05	82		Khá	11	11	7,975,000	
663	20810430313	Lê Văn	Đạt	20/04/2002	D15TDH&DKTBCN	3.05	80		Khá	11	11	7,975,000	
664	20810430339	Mai Văn	Nguyên	21/09/2002	D15TDH&DKTBCN	3.05	90		Khá	11	11	7,975,000	
665	20810000428	Trần Trung	Kiên	15/06/2002	D15QLMTCN	3.00	85		Khá	11	11	7,975,000	
666	20810000508	Trần Thùy	Linh	13/04/1999	D15QLMTCN	2.82	87		Khá	11	11	7,975,000	
667	20810000365	Mạc Thị Ánh	Nguyệt	12/02/2002	D15NLTT	3.55	87		Giỏi	11	11	8,775,000	
668	20810000408	Nguyễn Dương	Thành	10/03/2002	D15NLTT	3.18	79		Khá	11	11	7,975,000	
669	20810340160	Nguyễn Duy	Nam	06/06/2002	D15CNPM3	3.86	84		Giỏi	22	22	8,775,000	
670	20810340199	Nguyễn Đình	Duẩn	12/02/2002	D15CNPM6	3.86	77		Khá	22	22	7,975,000	
671	20810310042	Trần Hữu Châu	Minh	09/10/1997	D15CNPM1	3.73	80		Giỏi	22	22	8,775,000	
672	20810310378	Hoàng Bình	Minh	18/12/2002	D15CNPM4	3.7	84		Giỏi	22	22	8,775,000	
673	20810310484	Đỗ Mạnh	Hùng	27/08/2002	D15CNPM6	3.59	85		Giỏi	22	22	8,775,000	
674	20810310369	Đỗ Hoài	Giang	19/12/2002	D15CNPM4	3.57	83		Giỏi	22	22	8,775,000	
675	20810310313	Đỗ Chí	Đức	09/04/2002	D15CNPM3	3.55	84		Giỏi	22	22	8,775,000	
676	20810310368	Vương Đình	Trang	11/04/2002	D15CNPM4	3.55	82		Giỏi	22	22	8,775,000	
677	20810310555	Nguyễn Thị Kim	Huệ	24/06/2002	D15HTTMDT1	3.55	85		Giỏi	22	22	8,775,000	
678	20810310074	Nguyễn Thị Phượng	Mai	03/10/1999	D15CNPM2	3.5	80		Giỏi	22	22	8,775,000	

TT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Tên lớp học	Điểm TB tín chỉ xét HB	Điểm rèn luyện xét HB	TBC khóa học	Xếp loại nhận học bổng	Số đơn vị học trình đăng ký	Số đơn vị học trình điều kiện	Mức tiền được hưởng sinh viên (ĐVT: VNĐ)	Ký nhận
679	20810310522	Nguyễn Thu	Phuong	22/12/2002	D15HTTMDT2	3.45	81		Giỏi	22	22	8,775,000	
680	20810310460	Nguyễn Thị	Ngà	02/12/2002	D15CNPM5	3.41	83		Giỏi	22	22	8,775,000	
681	20810310558	Vũ Quốc	Hùng	30/11/2002	D15CNPM4	3.41	90		Giỏi	22	22	8,775,000	
682	20810310496	Nguyễn Quốc	Đạt	03/04/2002	D15CNPM6	3.36	96		Giỏi	22	22	8,775,000	
683	20810310388	Bùi Thị Lan	Em	20/11/2002	D15HTTMDT1	3.34	88		Giỏi	22	22	8,775,000	
684	20810310433	Lê Hoàng	Sơn	28/02/2002	D15CNPM5	3.3	89		Giỏi	22	22	8,775,000	
685	20810310562	Trần Thu	Hà	25/09/2002	D15CNPM1	3.3	85		Giỏi	22	22	8,775,000	
686	20810310264	Nguyễn Văn	Cường	14/12/2002	D15CNPM2	3.3	77		Khá	22	22	7,975,000	
687	20810310411	Nguyễn Hữu	Quyền	23/03/2002	D15CNPM4	3.3	83		Giỏi	22	22	8,775,000	
688	20810320104	Dương Khánh	Linh	04/11/2002	D15CNPM7	3.27	82		Giỏi	22	22	8,775,000	
689	20810310282	Ngô Anh	Đức	18/07/2002	D15HTTMDT2	3.27	84		Giỏi	22	22	8,775,000	
690	20810310399	Nguyễn Bá Chí	Công	29/04/2002	D15CNPM4	3.25	84		Giỏi	22	22	8,775,000	
691	20810310344	Nguyễn Hữu	Hiếu	12/05/2002	D15CNPM3	3.23	85		Giỏi	22	22	8,775,000	
692	20810310324	Đỗ Thị Thu	Hà	13/02/2002	D15CNPM3	3.23	75		Khá	22	22	7,975,000	
693	20810310405	Trần Hải	Đăng	12/08/2002	D15CNPM4	3.23	83		Giỏi	22	22	8,775,000	
694	20810310331	Nguyễn Hữu	Huân	17/11/2002	D15CNPM3	3.23	85		Giỏi	22	22	8,775,000	
695	20810340165	Nguyễn Thành	Đạt	28/01/2002	D15CNPM6	3.23	78		Khá	22	22	7,975,000	
696	20810310475	Trần Tuấn	Anh	15/09/2002	D15CNPM5	3.23	81		Giỏi	22	22	8,775,000	
697	20810340220	Đinh Viết	Quân	14/10/2002	D15CNPM5	3.23	92		Giỏi	22	22	8,775,000	
698	20810320101	Trương Việt	Hoàng	13/04/2002	D15CNPM7	3.23	81		Giỏi	22	22	8,775,000	

TT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Tên lớp học	Điểm TB tín chỉ xét HB	Điểm rèn luyện xét HB	TBC khóa học	Xếp loại nhận học bổng	Số đơn vị học trình đăng ký	Số đơn vị học trình điều kiện	Mức tiền được hưởng sinh viên (ĐVT: VNĐ)	Ký nhận
699	20810310535	Lê Xuân	Lợi	26/01/2002	D15CNPM6	3.23	85		Giỏi	22	22	8,775,000	
700	20810310417	Vương Đức	Huy	16/10/2002	D15CNPM4	3.2	84		Giỏi	22	22	8,775,000	
701	20810310267	Nguyễn Duy	Hiếu	11/07/2002	D15CNPM2	3.2	84		Giỏi	22	22	8,775,000	
702	20810340214	Đặng Lê Hà	Phong	27/07/2002	D15CNPM2	3.18	90		Khá	22	22	7,975,000	
703	20810310402	Nguyễn Văn	Huy	15/06/2002	D15CNPM4	3.18	82		Khá	22	22	7,975,000	
704	20810320092	Nguyễn Thành	Công	29/07/2002	D15CNPM7	3.18	94		Khá	22	22	7,975,000	
705	20810310298	Phan Tiến	Huy	21/09/2002	D15CNPM2	3.18	82		Khá	22	22	7,975,000	
706	20810320082	Lê Trọng	Văn	15/11/1999	D15QTANM	3.18	91		Khá	22	22	7,975,000	
707	20810310409	Bùi Văn	Cao	29/01/2002	D15CNPM4	3.18	82		Khá	22	22	7,975,000	
708	20810310057	Nguyễn Tuấn	Anh	30/8/2002	D15CNPM1	3.18	70		Khá	22	22	7,975,000	
709	20810320137	Tạ Quang	Đạt	26/05/2002	D15CNPM7	3.16	83		Khá	22	22	7,975,000	
710	20810310563	Trần Quang	Đạt	27/11/2002	D15CNPM6	3.14	85		Khá	22	22	7,975,000	
711	20810310560	Trịnh Trọng	Tấn	02/07/2002	D15CNPM4	3.14	84		Khá	22	22	7,975,000	
712	20810810065	Nguyễn Thị Phuong	Linh	05/12/2002	D15KTDN2	3.66	90		Xuất sắc	19	19	8,580,000	
713	20810810071	Nguyễn Thị Nam	Phuong	15/07/2002	D15KTDN2	3.63	84		Giỏi	19	19	7,865,000	
714	20810830214	Bùi Văn	Anh	06/11/2002	D15KTDN3	3.55	83		Giỏi	19	19	7,865,000	
715	20810830215	Trần Thu	Hiền	12/11/2002	D15KTDN3	3.53	90		Giỏi	19	19	7,865,000	
716	20810810028	Vương Thị Phuong	Anh	10/05/2001	D15KT&KS	3.47	79		Khá	19	19	7,150,000	
717	20810810171	Nguyễn Thị Thu	Hồng	14/02/2002	D15KTDN2	3.45	84		Giỏi	19	19	7,865,000	
718	20810830229	Phạm Thị	Phuong	29/05/2002	D15KTDN3	3.34	87		Giỏi	19	19	7,865,000	

TT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Tên lớp học	Điểm TB tín chỉ xét HB	Điểm rèn luyện xét HB	TBC khóa học	Xếp loại nhận học bổng	Số đơn vị học trình đăng ký	Số đơn vị học trình điều kiện	Mức tiền được hưởng sinh viên (ĐVT: VNĐ)	Ký nhận
719	20810810177	Nguyễn Thị Thu	Hương	28/05/2002	D15KTDN2	3.34	87		Giỏi	19	19	7,865,000	
720	20810810163	Triệu Thị Khánh	Huyền	12/09/2002	D15KTDN2	3.29	93		Giỏi	19	19	7,865,000	
721	20810810152	Phạm Thị Thu	Phương	12/05/2002	D15KTDN2	3.24	86		Giỏi	19	19	7,865,000	
722	20810810007	Đinh Thị Hương	Giang	09/02/2002	D15KTDN1	3.18	78		Khá	19	19	7,150,000	
723	20810810103	Cao Thị	Thúy	15/08/2001	D15KTDN2	3.18	81		Khá	19	19	7,150,000	
724	20810810162	Trương Thị	Phương	20/03/2002	D15KTDN2	3.18	86		Khá	19	19	7,150,000	
725	20810810173	Đoàn Bùi Phương	Thanh	22/11/2002	D15KT&KS	3.16	95		Khá	19	19	7,150,000	
726	20810810021	Lưu Tiến	Đạt	07/12/2002	D15KTDN1	3.11	83		Khá	19	19	7,150,000	
727	20810810031	Nguyễn Viết	Hòa	09/11/2002	D15KTDN1	3.08	84		Khá	19	19	7,150,000	
728	20810810061	Nguyễn Thu	Phương	04/02/2002	D15KTDN1	3.08	84		Khá	19	19	7,150,000	
729	20810830213	Phan Thị	Trang	16/01/2002	D15KTDN3	3.05	88		Khá	19	19	7,150,000	
730	20810850089	Nguyễn Hà	Thu	11/07/2002	D15KIEMTOAN2	3.92	82		Giỏi	19	19	7,865,000	
731	20810850031	Nguyễn Thanh	Huyền	20/12/2002	D15KIEMTOAN1	3.84	78		Khá	19	19	7,150,000	
732	20810850070	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	21/02/2002	D15KIEMTOAN2	3.79	82		Giỏi	19	19	7,865,000	
733	20810850081	Nguyễn Huyền	Trang	24/10/2002	D15KIEMTOAN2	3.76	79		Khá	19	19	7,150,000	
734	20810850054	Đào Thanh	Hiền	12/01/2002	D15KIEMTOAN1	3.74	83		Giỏi	19	19	7,865,000	
735	20810850035	Đỗ Yến	Nhi	06/05/2002	D15KIEMTOAN2	3.66	80		Giỏi	19	19	7,865,000	
736	20819110070	Nguyễn Đăng	Huỳnh	26/06/2002	D15NHIETDIEN	3.45	81		Giỏi	11	11	8,775,000	
737	20819110059	Nguyễn Thị	Trang	13/09/2002	D15NHIETDIEN	3.36	95		Giỏi	11	11	8,775,000	
738	20819110105	Nguyễn Huy	Hoàng	07/01/2002	D15DIENLANH1	3.32	83		Giỏi	11	11	8,775,000	

TT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Tên lớp học	Điểm TB tín chỉ xét HB	Điểm rèn luyện xét HB	TBC khóa học	Xếp loại nhận học bổng	Số đơn vị học trình đăng ký	Số đơn vị học trình điều kiện	Mức tiền được hưởng sinh viên (ĐVT: VNĐ)	Ký nhận
739	20819110127	Hoàng Trung	Kiên	28/04/2002	D15DIENLANH2	3.27	81		Giỏi	11	11	8,775,000	
740	20819110107	Vũ Phương	Hà	27/06/2002	D15NHIETDIEN	3.27	84		Giỏi	11	11	8,775,000	
741	20819110106	Đỗ Xuân	Hòa	24/01/2002	D15DIENLANH1	3.23	84		Giỏi	11	11	8,775,000	
742	20819110118	Dương Nam	Hướng	14/05/2002	D15DIENLANH2	3.14	79		Khá	11	11	7,975,000	
743	20819110113	Tạ Quốc	Duy	08/04/2002	D15DIENLANH2	3.09	81		Khá	11	11	7,975,000	
744	20819110072	Chu Bá	Huy	15/06/2002	D15DIENLANH2	3.00	86		Khá	11	11	7,975,000	
745	20819110015	Trần Xuân	Quang	19/9/2002	D15NHIETCN	3.00	87		Khá	11	11	7,975,000	
746	20819110084	Hoàng Trung	Hiếu	17/09/2002	D15DIENLANH2	3.00	85		Khá	11	11	7,975,000	
747	20810230050	Trần Hoài	Anh	02/09/2002	D15LOGISTICS1	3.59	85		Giỏi	11	11	8,775,000	
748	20810230080	Lưu Thị	Huyền	29/10/2002	D15LOGISTICS2	3.59	91		Giỏi	11	11	8,775,000	
749	20810230126	Nguyễn Thị Thu	Huyền	10/02/2002	D15LOGISTICS3	3.59	81		Giỏi	11	11	8,775,000	
750	20810230036	Trần Lê Hương	Giang	16/08/2002	D15LOGISTICS1	3.50	85		Giỏi	11	11	8,775,000	
751	20810230065	Phùng Thị Thùy	Dung	07/07/2002	D15LOGISTICS2	3.50	80		Giỏi	11	11	8,775,000	
752	20810230076	Nguyễn Thị Ngọc	Diệp	16/07/2002	D15LOGISTICS2	3.45	80		Giỏi	11	11	8,775,000	
753	20810230098	Nguyễn Thị	Loan	06/10/2002	D15LOGISTICS2	3.41	90		Giỏi	11	11	8,775,000	
754	20810230025	Lương Minh	Anh	17/02/2002	D15LOGISTICS1	3.36	86		Giỏi	11	11	8,775,000	
755	20810230116	Đào Hồng	Ngọc	03/08/2002	D15LOGISTICS3	3.36	85		Giỏi	11	11	8,775,000	
756	20810230153	Trần Thị Thảo	Đan	03/01/2002	D15LOGISTICS3	3.36	84		Giỏi	11	11	8,775,000	
757	20810230091	Đoàn Thiết	Hùng	29/04/2002	D15LOGISTICS2	3.32	86		Giỏi	11	11	8,775,000	
758	20810000510	Mai Thị	Phượng	09/03/2002	D15QLSX&TN	3.73	83		Giỏi	11	11	8,775,000	

TT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Tên lớp học	Điểm TB tín chỉ xét HB	Điểm rèn luyện xét HB	TBC khóa học	Xếp loại nhận học bổng	Số đơn vị học trình đăng ký	Số đơn vị học trình điều kiện	Mức tiền được hưởng sinh viên (ĐVT: VNĐ)	Ký nhận
759	20810000458	Nguyễn Thị	Hồng	27/7/2001	D15QLSX&TN	3.73	84		Giỏi	11	11	8,775,000	
760	20810000516	Vũ Như	Quang	03/04/2002	D15QLSX&TN	3.64	81		Giỏi	11	11	8,775,000	
761	20810000387	Trần Thanh	Quý	26/08/2002	D15QLSX&TN	3.59	89		Giỏi	11	11	8,775,000	
762	20810000471	Phạm Thu	Hằng	04/09/2002	D15QLSX&TN	3.59	78		Khá	11	11	7,975,000	
763	20810000380	Dương Khánh	Vân	18/11/2002	D15QLDT&KH	3.5	84		Giỏi	11	11	8,775,000	
764	20810000097	Trần Thị	Yến	12/08/2001	D15QLSX&TN	3.18	80		Khá	11	11	7,975,000	
765	20810000378	Đặng Thị Kim	Ngân	23/10/2001	D15QLDT&KH	3.09	82		Khá	11	11	7,975,000	
766	20810000477	Trần Thị	Ngoan	04/11/2001	D15QLDT&KH	3.05	84		Khá	11	11	7,975,000	
767	20810000437	Lã Mạnh	Dũng	05/05/2002	D15KTNL	3.73	91		Xuất sắc	11	11	9,570,000	
768	20810000454	Phạm Thị Khánh	Hiền	30/11/2002	D15KTNL	3.73	90		Xuất sắc	11	11	9,570,000	
769	20810000422	Phạm Thị Khánh	Hòa	28/10/2002	D15KTNL	3.55	83		Giỏi	11	11	8,775,000	
770	20810000426	Đào Hữu	Huy	09/06/2002	D15KTNL	3.55	81		Giỏi	11	11	8,775,000	
771	20810000490	Đỗ Thị Thanh	Loan	24/10/2002	D15QTDVDL&LH2	3.63	87		Giỏi	19	19	7,865,000	
772	20810000363	Nguyễn Hồng	Vân	26/04/2002	D15QTDVDL&LH2	3.53	75		Khá	19	19	7,150,000	
773	20810000350	Nguyễn Phương	Anh	23/09/2002	D15QTDVDL&LH2	3.45	85		Giỏi	19	19	7,865,000	
774	20810000438	Lê Thu	Quỳnh	05/12/2002	D15QTDVDL&LH2	3.37	75		Khá	19	19	7,150,000	
775	20810000353	Phùng Minh	Nhật	28/11/2002	D15QTDVDL&LH1	3.32	89		Giỏi	19	19	7,865,000	
776	20810000029	Kiều Thị Hồng	Nhung	25/11/2002	D15QTDVDL&LH1	3.32	78		Khá	19	19	7,150,000	
777	20810710159	Hồ Thị Hải	Yến	23/09/2002	D15QTDN2	3.66	84		Giỏi	19	19	7,865,000	
778	20810710165	Lê Đức	Mạnh	11/03/2002	D15QTDN2	3.66	82		Giỏi	19	19	7,865,000	

TT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Tên lớp học	Điểm TB tín chỉ xét HB	Điểm rèn luyện xét HB	TBC khóa học	Xếp loại nhận học bổng	Số đơn vị học trình đăng ký	Số đơn vị học trình điều kiện	Mức tiền được hưởng sinh viên (ĐVT: VNĐ)	Ký nhận
779	20810710166	Nguyễn Hồ Bảo	Ngọc	20/06/2002	D15QTDN2	3.53	86		Giỏi	19	19	7,865,000	
780	20810720015	Nguyễn Ngọc Tuấn	Minh	16/02/2000	D15QTDN5	3.38	90		Giỏi	12	12	7,865,000	
781	20810710001	Nguyễn Thị Vân	Anh	12/04/2001	D15QTDN5	3.33	83		Giỏi	12	12	7,865,000	
782	20810710088	Trịnh Thị	Mai	23/6/1999	D15QTDN1	3.29	74		Khá	19	19	7,150,000	
783	20810000307	Nguyễn Thị Vân	Anh	17/06/2002	D15QTDN4	3.26	78		Khá	19	19	7,150,000	
784	20810710164	Nguyễn Thị Khánh	Linh	28/07/2002	D15QTDN5	3.25	77		Khá	12	12	7,150,000	
785	20810710066	Nguyễn Thị Bảo	Ngọc	08/07/2001	D15QTDN1	3.21	91		Giỏi	19	19	7,865,000	
786	20810710223	Trần Thị Quỳnh	Anh	05/08/2002	D15QTDN3	3.21	76		Khá	19	19	7,150,000	
787	20810710196	Nguyễn Tiến	Thành	29/11/2002	D15QTDN3	3.13	78		Khá	19	19	7,150,000	
788	20810710266	Lê Thị Phương	Thảo	20/11/2002	D15QTDN3	3.08	78		Khá	19	19	7,150,000	
789	20810710079	Phạm Tùng	Lâm	28/04/2002	D15QTDN5	3.04	78		Khá	12	12	7,150,000	
790	20810710137	Phí Ngọc	Tú	01/04/2002	D15QTDN5	3.04	77		Khá	12	12	7,150,000	
791	20810720046	Nguyễn Thị Thu	Trang	31/7/2001	D15QTDN5	3.04	80		Khá	12	12	7,150,000	
792	20810720028	Nguyễn Nam	Khánh	07/01/2001	D15QTDN5	3.00	76		Khá	12	12	7,150,000	
793	20810710120	Nguyễn Thành	Trung	01/08/2002	D15QTDN1	2.92	88		Khá	19	19	7,150,000	
794	20810710256	Phạm Hoàng	Phương	29/11/2002	D15QTDN5	2.92	74		Khá	12	12	7,150,000	
795	20810710262	Lê Quang	Linh	10/02/2002	D15QTDN5	2.88	78		Khá	12	12	7,150,000	
796	20810710233	Đỗ Hồng	Nhung	19/05/2002	D15QTDN3	2.87	78		Khá	19	19	7,150,000	
797	20810710185	Trần Thị Ngọc	Linh	22/01/2002	D15QTDN3	2.84	78		Khá	19	19	7,150,000	
798	20810710218	Nguyễn Văn	Oanh	29/10/2002	D15QTDN3	2.84	80		Khá	19	19	7,150,000	

TT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Tên lớp học	Điểm TB tín chỉ xét HB	Điểm rèn luyện xét HB	TBC khóa học	Xếp loại nhận học bổng	Số đơn vị học trình đăng ký	Số đơn vị học trình điều kiện	Mức tiền được hưởng sinh viên (ĐVT: VNĐ)	Ký nhận
799	20810710074	Trần Thị	Diệp	11/12/2002	D15QTDN1	2.84	87		Khá	19	19	7,150,000	
800	20810710258	Trần Hùng	Anh	15/11/2002	D15QTDN5	2.79	77		Khá	12	12	7,150,000	
801	20810710235	Dương Trà	My	11/01/2002	D15QTDN5	2.79	77		Khá	12	12	7,150,000	
802	20810840012	Lê Minh	Hoàng	23/02/2000	D15NGANHANG	3.45	75		Khá	19	19	7,150,000	
803	20810820068	Đỗ Nguyễn Anh	Thư	16/09/2002	D15TCDN1	3.42	84		Giỏi	19	19	7,865,000	
804	20810820053	Nguyễn Đình Duy	Minh	20/09/2002	D15TCDN1	3.34	83		Giỏi	19	19	7,865,000	
805	20810820069	Trần Thị Minh	Anh	29/06/2002	D15TCDN1	3.29	81		Giỏi	19	19	7,865,000	
806	20810820096	Doãn Hà	Ngọc	03/02/2002	D15NGANHANG	3.26	76		Khá	19	19	7,150,000	
807	20810820083	Nguyễn Văn	Doanh	07/11/2002	D15NGANHANG	3.24	82		Giỏi	19	19	7,865,000	
808	20810820120	Vũ Thị Thanh	Tuyền	27/11/2002	D15TCDN2	3.24	89		Giỏi	19	19	7,865,000	
809	20810820076	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	20/07/2002	D15TCDN1	3.21	91		Giỏi	19	19	7,865,000	
810	20810820064	Nguyễn Minh	Thông	15/01/2002	D15TCDN1	3.21	86		Giỏi	19	19	7,865,000	
811	20810820056	Trần Thị Phương	Thanh	19/6/2002	D15TCDN1	3.00	81		Khá	19	19	7,150,000	
812	20810820081	Nguyễn Quang Gia	Tường	28/10/2002	D15NGANHANG	2.95	84		Khá	19	19	7,150,000	
813	20810000140	Đặng Vân	Hồng	15/12/2002	D15KDTMTT1	3.68	85		Giỏi	19	19	7,865,000	
814	20810000115	Vũ Hồng	Thắm	19/08/2002	D15KDTMTT2	3.58	84		Giỏi	19	19	7,865,000	
815	20810000161	Đỗ Huy	Anh	15/04/2002	D15KDTMTT2	3.37	84		Giỏi	19	19	7,865,000	
816	20810000141	Đào Thị Hồng	Lý	10/08/2002	D15KDTMTT2	3.34	77		Khá	19	19	7,150,000	
817	20810000189	Lê Văn	Sáng	21/08/2001	D15KDTMTT2	3.32	83		Giỏi	19	19	7,865,000	
818	20810000273	Chu Ngọc Tường	Huy	07/12/2002	D15KDTMTT1	3.21	85		Giỏi	19	19	7,865,000	

TT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Tên lớp học	Điểm TB tín chỉ xét HB	Điểm rèn luyện xét HB	TBC khóa học	Xếp loại nhận học bổng	Số đơn vị học trình đăng ký	Số đơn vị học trình điều kiện	Mức tiền được hưởng sinh viên (ĐVT: VNĐ)	Ký nhận
819	20810000150	Hoa Đại	Dương	28/07/2002	D15KDTMTT2	3.18	78		Khá	19	19	7,150,000	
820	20810000004	Nguyễn Văn	Huân	27/3/2002	D15KDTMTT2	3.18	85		Khá	19	19	7,150,000	
821	20810000117	Kiều Lan	Anh	10/01/2002	D15KDTMTT1	3.18	85		Khá	19	19	7,150,000	
822	20810000113	Nguyễn Ngọc	Quyên	21/11/2002	D15KDTMTT1	3.13	85		Khá	19	19	7,150,000	
Tổng tiền												6,874,740,000	



Q. Hiệu trưởng

★Đinh Văn Châu

Phòng KHTC

Nguyễn Đàm Minh Thông

Phòng CTSV

Nguyễn Đăng Toàn

Người lập biểu

Trịnh Thị Hoàng